

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2021

DỰ KIẾN THỜI KHÓA BIỂU

Kỳ 2 năm học 2020-2021 Hệ Chính quy

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
	1070040	Âm nhạc mới Việt Nam	MUS2007	2	1												1*MUS2007		
01	1070040				1	Nguyễn Thị Phương Mai							1-5, LR			Lop riêng			2017
	1070125	Âm nhạc Việt nam	MUS2056	3	45												3*		
07	1070125				45	Lại Hồng Phong				1-5, D2				04/01/2021		K6 TN AB			2018
	1140032	Bệnh trẻ em	PPE2013	2	10												2*		
01	1140032				10	Nguyễn Quỳnh Trang					7-11, E505			29/03/2021	23/05/2021				2018
	1060044	Bổ cục chất liệu lụa 1	FAE2007	2	99												4*FAE2007		
01	1060044				13	Nguyễn Thị Trang Ngà	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					05/04/2021	30/05/2021	K14 SPMT K6 HH			2019
02	1060044				13	Nguyễn Thị Hà Hoa	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					05/04/2021	30/05/2021	K14 SPMT K6 HH			2019
03	1060044				13	Nguyễn Thị Huyền	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					05/04/2021	30/05/2021	K14 SPMT K6 HH			2019
04	1060044				15	Vũ Thị Kim Vân							1-5, LTK12 TT			K12LT TT			2020
05	1060044				15	Nguyễn Thị Trang Ngà							1-5, LTK12 TT			K12LT TT			2020
06	1060044				15	Lê Mai Trinh							1-5, LTK12 TT			K12LT TT			2020
07	1060044				15	Lưu Thị Hồng Diễm							1-5, LTK12 TT			K12LT TT			2020
	1060072	Bổ cục chất liệu Sơn dầu 2	FAE2024	3	10												5*FAE2024		
01	1060072				10	Nguyễn Quang Huy				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		04/01/2021	18/04/2021	K4 HH 2017			2017
	1060046	Bổ cục chất liệu Sơn mài 1	FAE2009	2	39												4* FAE2009		
01	1060046				13	Vũ Thị Kim Vân	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					04/01/2021	14/03/2021	K13 SPMT K5 HH			2018
02	1060046				13	Chu Hoàng Trung	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					04/01/2021	14/03/2021	K13 SPMT K5 HH			2018
03	1060046				13	Tạ Đình Thi	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					04/01/2021	14/03/2021	K13 SPMT K5 HH			2018
	1060047	Bổ cục chất liệu tự chọn	FAE2010	3	5												5*FAE2010		
05	1060047				5	Vũ Thị Kim Vân							1-5, LR			Lop riêng			2017
	1060042	Bổ cục cơ bản	FAE2053	2	5												2_SPMT_M4		
04	1060042				5	Nguyễn Thị Hà Hoa				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		26/04/2021	18/07/2021	K7 HH			2020
	1080030	Các tộc người ở Việt Nam	CLM2031	2	45												6_QLVH_M4		
01	1080030				45	Bùi Hồng Hạnh				7-11, E503				04/01/2021	25/04/2021	K12 QLVH			2018
	1200022	Chế tác phụ trang	DGI2022	2	10														
01	1200022				10	Lê Thị Lan		1-5, E						04/01/2021	28/03/2021				2018
	1070107	Chỉ huy hợp xướng	*MUS2075	2													2017		
01	1070107				0	Phạm Hoàng Trung		7-11, D3						04/01/2021					2018
02	1070107				0	Vũ Thùy Linh				7-11, D3				04/01/2021					2018

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
03	1070107				0	Phạm Hoàng Trung					7-11, D3			04/01/2021					2018
04	1070107				0	Lê Vinh Hưng		1-5, D3						04/01/2021					2018
05	1070107				0	Phạm Hoàng Trung					7-11, D3			04/01/2021					2018
06	1070107				0	Phạm Hoàng Trung					1-5, D3			04/01/2021					2018
	1080017	Chính sách pháp luật về VHNT Việt Nam	CLM2014	2	80												1_QLVH_M3_TC		
01	1080017				40	Nguyễn Hữu Thức	1-5, E501							01/03/2021	04/07/2021	K14 QLVH 14T			2020
02	1080017				40	Nguyễn Hữu Thức	7-11, E501							01/03/2021	04/07/2021	K14 QLVH 14T			2020
	1100096	Chương trình biểu diễn nghệ thuật tốt nghiệp	VMU2016	14	50												2017		
01	1100096				50								1-5, BDTN	24/05/2021					2017
	1080115	Chương trình biểu diễn nghệ thuật tốt nghiệp	CLM2077	10	30												DVK		
01	1080115				30								7-8, HPTN			K3 DVK			2017
	1190036	Chương trình biểu diễn tốt nghiệp	PIA2022	14	20												2017		
01	1190036				20								1-5, HPTN	24/05/2021					2017
	1080050	Chương trình Thực hành biểu diễn nghệ thuật (Tốt nghiệp)	CLM2052	5	45												8_QLVH_M5		
01	1080050				45								9-10, HPTN			K11 QLVH			2017
	1080152	Chuyên đề (DVK)	CLM2094	1	30														
01	1080152				30	Nguyễn Thị Phương Thanh						1-5, CD		01/03/2021	09/05/2021	K2 LT DVK			2020
	1190029	Chuyên đề 1	PIA2019	2	30														
01	1190029				30	Trần Vương Thanh					1-3, D4			04/01/2021	28/03/2021				2019
	1080111	Chuyên đề 1	CLM2073	2	30												DVK		
01	1080111				30	Dương Anh Đức							1-5, CD	04/01/2021		K5 DVK			2019
	1080112	Chuyên đề 2	CLM2074	2	15												DVK		
01	1080112				15	Nguyễn Thị Phương Thanh							1-5, CD	04/01/2021					2018
	1070110	Chuyển soạn cho Hợp xướng	MUS2074	2	141												2018		
01	1070110				25	Phạm Xuân Danh	7-11, D2							04/01/2021	28/03/2021	K13 SPAN 10T			2018
02	1070110				25	Phạm Hoàng Trung		1-5, D2						04/01/2021	28/03/2021	K13 SPAN 10T			2018
03	1070110				25	Lê Vinh Hưng		7-11, D3						04/01/2021	28/03/2021	K13 SPAN 10T			2018
04	1070110				25	Phạm Xuân Danh					7-11, D2			04/01/2021	28/03/2021	K13 SPAN 10T			2018
05	1070110				1	Phạm Hoàng Trung		13-15, D						04/01/2021	28/03/2021				2018
06	1070110				20	Lê Vinh Hưng						1-5, D3		01/03/2021		LT K11			2019
07	1070110				20	Lê Vinh Hưng						7-11, D3		01/03/2021		LT K11			2019
	1020020	Cơ sở tạo hình (Mặt phẳng và khối)	FAD2003	2	1														
01	1020020				1	Vũ Thanh Nghị							1-5, LR			Lop riêng			2017
	1170005	Cơ sở tạo hình mặt phẳng	GRD2004	2	168												Cơ sở tạo hình 1		
01	1170005				42	Nguyễn Thành Sơn	1-5, E602							01/03/2021	06/06/2021	K12 TKDH			2020
02	1170005				42	Nguyễn Thành Sơn			1-5, E602					01/03/2021	06/06/2021	K12 TKDH			2020

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
03	1170005				42	Nguyễn Hữu Dũng				1-5, E602				01/03/2021	06/06/2021	K12 TKDH			2020
04	1170005				42	Nguyễn Hữu Dũng					1-5, E602			01/03/2021	06/06/2021	K12 TKDH			2020
	1020024	Cơ sở thiết kế trang phục	FAD2015	2	65														
01	1020024				13	Lưu Ngọc Lan		7-11, E						04/01/2021	14/03/2021				2018
02	1020024				13	Đỗ Thu Huyền		7-11, E						04/01/2021	14/03/2021				2018
03	1020024				13	Vũ Mai Hiền				7-11, E				04/01/2021	14/03/2021				2018
04	1020024				13	Đỗ Thu Huyền				7-11, E				04/01/2021	14/03/2021				2018
05	1020024				13	Nguyễn Bích Nhung			7-11, E					04/01/2021	14/03/2021				2018
	1080001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	CLM2001	3	312												Dung chung		
06	1080001				52	Nông Thị Thanh Thuý		7-11, E501						01/03/2021	13/06/2021	14T			2020
07	1080001				52	Nguyễn Hữu Thúc					1-5, E503			01/03/2021	13/06/2021	14T			2020
08	1080001				52	Nguyễn Thị Thanh Loan				1-5, E503				01/03/2021	13/06/2021	14T			2020
09	1080001				52	Tráng Thị Thuý		1-5, E501						01/03/2021	13/06/2021	14T			2020
10	1080001				52	Vũ Thị Thái Hoa			7-11, E501					01/03/2021	13/06/2021	14T			2020
11	1080001				52	Bùi Hồng Hạnh	7-11, E502							01/03/2021	13/06/2021	14T			2020
	1020017	Công nghệ may 1	FAD2009	2	60														
01	1020017				30	Nguyễn Bích Nhung			1-5, E					01/03/2021	11/04/2021				2020
02	1020017				30	Nguyễn Bích Nhung					1-5, E			01/03/2021	11/04/2021				2020
	1200023	Công nghệ may 3	DGI2023	2	12														
01	1200023				12	Ngô Thị Thủy Thu			7-11, E					04/01/2021	14/03/2021				2019
	1070003	Đại cương các loại hình nghệ thuật	MUS2078	2	50												2019		
03	1070003				50	Nguyễn Thu Hằng						1-5, DNN		01/03/2021		K12 LT			2020
	1080052	Đại cương các loại hình NT 1 (Múa+ Âm nhạc)	CLM2008	3	70												5_QLVH_M3		
02	1080052				70	Lý Minh Huệ		7-11, E503						04/01/2021	25/04/2021	K13 QLVH			2019
	1080011	Đại cương các loại hình NT 2 (Sân khấu + Mỹ thuật)	CLM2009	3	70												5_QLVH_M3		
01	1080011				70	Phạm Ngọc Thùy				7-11, E501				04/01/2021	25/04/2021	K13 QLVH			2019
	1100087	Dân ca	VMU2001	2	364												VMU2001		
01	1100087				25	Đặng Thị Lan		1-5, D305						01/03/2021	06/06/2021	K15SPA N 10T			2020
02	1100087				25	Đặng Thị Lan			1-5, D304					01/03/2021	06/06/2021	K15SPA N 10T			2020
03	1100087				25	Đặng Thị Lan			7-11, D2					01/03/2021	06/06/2021	K15SPA N 10T			2020
04	1100087				25	Đặng Thị Lan				7-11, D304				01/03/2021	06/06/2021	K15SPA N 10T			2020
05	1100087				25	Đào Thị Khánh Chi		7-11, D2						01/03/2021	06/06/2021	K15SPA N 10T			2020
06	1100087				25	Ngân Thị Thương	1-5, D2							01/03/2021	06/06/2021	K15SPA N 10T			2020
07	1100087				25	Ngân Thị Thương					7-11, D1			01/03/2021	06/06/2021	K15SPA N 10T			2020
08	1100087				27	Đặng Thị Lan		7-11, D3						07/06/2021		Bo sung			2020
09	1100087				27	Đặng Thị Lan				1-5, D2				07/06/2021		Bo sung			2020
10	1100087				27	Ngân Thị Thương		1-5, D2						07/06/2021		Bo sung			2020
11	1100087				27	Ngân Thị Thương		7-11, D304						07/06/2021		Bo sung			2020
12	1100087				27	Trần Thị Thảo		1-5, D405						07/06/2021		Bo sung			2020
13	1100087				27	Trần Thị Thảo				1-5, D3				07/06/2021		Bo sung			2020
14	1100087				27	Bùi Thanh Tuyền		1-5, D1						07/06/2021		Bo sung			2020
	1070131	Dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp	*MUS2061	3															

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
01	1070131				0	Lê Vinh Hưng	7-11, E607							04/01/2021	11/04/2021	K12 SPAN 2017			2017
02	1070131				0	Phạm Xuân Danh		1-5, E607						04/01/2021	11/04/2021	K12 SPAN 2017			2017
03	1070131				0	Phạm Hoàng Trung			1-5, E607					04/01/2021	11/04/2021	K12 SPAN 2017			2017
04	1070131				0	Phạm Xuân Danh				1-5, E607				04/01/2021	11/04/2021	K12 SPAN 2017			2017
05	1070131				0	Phạm Xuân Danh				7-11, E607				04/01/2021	11/04/2021	K12 SPAN 2017			2017
	1070111	Đàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp 2	MUS2067	2	40												2018		
01	1070111				20	Lê Vinh Hưng							1-5, D3	01/03/2021		LT K11			2019
02	1070111				20	Lê Vinh Hưng							7-11, D3	01/03/2021		LT K11			2019
	1190010	Đệm thanh nhạc 1.2	PIA2007	1															
01	1190010				0	Bùi Duy Anh							11-12, D	01/03/2021	04/07/2021				2020
02	1190010				0	Lại Thị Phương Thảo					5-6, D			01/03/2021	04/07/2021				2020
03	1190010				0	Lê Hải Thuận				11-12, D				01/03/2021	04/07/2021				2020
04	1190010				0	Trần Quốc Thùy				11-12, D				01/03/2021	04/07/2021				2020
05	1190010				0	Trần Duy	11-12, D							01/03/2021	04/07/2021				2020
06	1190010				0	Trần Duy					5-6, D			01/03/2021	04/07/2021				2020
	1190012	Đệm thanh nhạc 2.2	PIA2008	1	1														
03	1190012				0	Đặng Thái Sơn	2-6, D							04/01/2021	25/04/2021				2019
04	1190012				0	Đặng Thái Sơn		2-6, D						04/01/2021	25/04/2021				2019
05	1190012				0	Lương Đức Giang		2-6, D						04/01/2021	25/04/2021				2019
06	1190012				0	Trần Quốc Thùy			10-11, D					04/01/2021	25/04/2021				2019
07	1190012				0	Vũ Thanh Xuân			10-11, D					04/01/2021	25/04/2021				2019
08	1190012				0	Bá Săn							10-11, D	04/01/2021	25/04/2021				2019
09	1190012				1	Bùi Duy Anh		10-11, D						04/01/2021	25/04/2021				2019
	1190013	Đệm thanh nhạc 3.1	PIA2009	1	1														
06	1190013				1	Lương Đức Giang		1-2, D						04/01/2021	25/04/2021				2017
	1190014	Đệm thanh nhạc 3.2	PIA2009	1															
04	1190014				0	Lê Hải Thuận				4-5, D				04/01/2021	25/04/2021				2018
05	1190014				0	Đặng Thái Sơn						4-5, D		04/01/2021	25/04/2021				2018
06	1190014				0	Vũ Thanh Xuân			4-5, D					04/01/2021	25/04/2021				2018
07	1190014				0	Đặng Thái Sơn						4-5, D		04/01/2021	25/04/2021				2018
08	1190014				0	Lại Thị Phương Thảo			4-5, D					04/01/2021	25/04/2021				2018
	1190015	Đệm thanh nhạc 4.1	PIA2010	1	2														
04	1190015				1	Vũ Thanh Xuân			1-2, D					04/01/2021	25/04/2021				2017
07	1190015				1	Trần Quốc Thùy							3-4, LR			Lop riêng			2017
	1190016	Đệm thanh nhạc 4.2	PIA2010	1	4														
01	1190016				0	Lê Hải Thuận					1-2, D			04/01/2021	25/04/2021				2017
02	1190016				0	Trần Quốc Thùy					1-2, D			04/01/2021	25/04/2021				2017
03	1190016				0	Lương Đức Giang						1-2, D		04/01/2021	25/04/2021				2017
04	1190016				1	Lại Thị Phương Thảo					1-2, D			04/01/2021	25/04/2021				2017
05	1190016				1	Bá Săn					10-11, D			04/01/2021	25/04/2021				2017
06	1190016				1	Bùi Duy Anh		10-11, D						04/01/2021	25/04/2021				2017
07	1190016				1	Lương Đức Giang							1-2, LR			Lop riêng			2017

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
	1080189	Di sản văn hóa Việt Nam	CLM2113	2	70												DL		
01	1080189				70	Nguyễn Hữu Thức				1-5, E502				01/03/2021	04/07/2021	K1 Du lịch 14T			2020
	1080181	Địa lý du lịch	CLM2105	3	70												DL		
01	1080181				70	Nguyễn Thị Phương Thảo			1-5, E503					01/03/2021	04/07/2021	K1 Du lịch 14T			2020
	1060073	Điêu khắc	FAE2054	2	39														
01	1060073				13	Phan Văn Hùng				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		12/04/2021	16/05/2021	K14 SPMT K6 HH			2019
02	1060073				13	Lê Thị Kim Liên				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		12/04/2021	16/05/2021	K14 SPMT K6 HH			2019
03	1060073				13	Phan Văn Hùng				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		12/04/2021	16/05/2021	K14 SPMT K6 HH			2019
	1140029	Dinh dưỡng trẻ em	PPE2020	2	10												2*		
01	1140029				10	Nguyễn Thị Tuyết Nhung				7-11, E301				04/01/2021	14/03/2021				2018
	1200033	Đồ án công nghệ	DGI2033	3	1														
02	1200033				1	Ngô Thị Thủy Thu							1-5, LR			Lop riêng			2017
	1200034	Đồ án thiết kế	DGI2034	3	10														
01	1200034				10	Ng.Thị Minh Ngọc				1-5, E				04/01/2021	28/03/2021				2018
	1020008	Đồ án tốt nghiệp	FAD2046	8															
01	1020008				0	Hoàng Thị Oanh							7-11, TTN						2017
02	1020008				0	Lưu Ngọc Lan							7-11, TTN						2017
03	1020008				0	Lê Phương Anh							7-11, TTN						2017
04	1020008				0	Ng.Thị Bích Liên							7-11, TTN						2017
05	1020008				0	Đỗ Thu Huyền							7-11, TTN						2017
06	1020008				0	Lê Nguyễn Kiều Trang							7-11, TTN						2017
	1200047	Đồ án tốt nghiệp	DGI2047	8															
02	1200047				0	Nguyễn Bích Nhung							1-5, DATN						2017
03	1200047				0	Ngô Thị Thủy Thu							1-5, DATN						2017
	1170049	Đồ án tốt nghiệp	*GRD2042	20													10_TKDH_M5		
01	1170049				0	Phạm Hùng Cường							7-11, DA	04/01/2021	31/05/2021				2016
02	1170049				0	Lê Đức Cường							7-11, DA	04/01/2021	31/05/2021				2016
03	1170049				0	Nguyễn Đức Lân							7-11, DA	04/01/2021	31/05/2021				2016
04	1170049				0	Nguyễn Văn Hiến							7-11, DA	04/01/2021	31/05/2021				2016
05	1170049				0	Nguyễn Quang Huy							7-11, DA	04/01/2021	31/05/2021				2016
06	1170049				0	Nguyễn Xuân Tâm							7-11, DA	04/01/2021	31/05/2021				2016
07	1170049				0	Nguyễn Lê Mai							7-11, DA	04/01/2021	31/05/2021				2016
08	1170049				0	Lò Mai Trang							7-11, DA	04/01/2021	31/05/2021				2016
09	1170049				0	Nguyễn Hải Kiên							7-11, DA	04/01/2021	31/05/2021				2016
10	1170049				0	Nguyễn Hữu Dũng							7-11, DA	04/01/2021	31/05/2021				2016
11	1170049				0	Phạm Phương Linh							7-11, DA	04/01/2021	31/05/2021				2016
12	1170049				0	Nguyễn Duy Hùng							7-11, DA	04/01/2021	31/05/2021				2016
13	1170049				0	Lê Huy Thục							7-11, DA	04/01/2021	31/05/2021				2016
14	1170049				0	Vũ Minh Hoàng							7-11, DA	04/01/2021	31/05/2021				2016
15	1170049				0	Vũ Xuân Hiến							7-11, DA	04/01/2021	31/05/2021				2016
16	1170049				0	Nguyễn Thành Sơn							7-11, DA	04/01/2021	31/05/2021				2016
17	1170049				0	Nguyễn Thị Hải Yến							7-11, DA	04/01/2021	31/05/2021				2016
18	1170049				0	Ng.Duy Quốc Tuấn							7-11, DA	04/01/2021	31/05/2021				2016
19	1170049				0	Nguyễn Hồng Sơn							7-11, DA	04/01/2021	31/05/2021				2016

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
20	1170049				0	Nguyễn Trần Thế Hiệp							7-11, DA	04/01/2021	31/05/2021				2016
	1200014	Đồ họa công nghệ may	DGI2014	2	12														
01	1200014				12	Bùi Thị Nam	7-11, E							04/01/2021	28/03/2021				2019
	1020001	Đồ họa thời trang 3	FAD2033	3	66														
01	1020001				13	Nguyễn Hoàng Tùng	1-5, E							04/01/2021	28/03/2021				2018
02	1020001				13	Hoàng Thắng	1-5, E							04/01/2021	28/03/2021				2018
03	1020001				13	Nguyễn Hải Hà	1-5, E							04/01/2021	28/03/2021				2018
04	1020001				13	Hoàng Thắng			1-5, E					04/01/2021	28/03/2021				2018
05	1020001				13	Trần Thanh Nga			1-5, E					04/01/2021	28/03/2021				2018
06	1020001				1	Trần Thanh Nga							1-5, LR			Lop riêng			2017
	1140007	Giáo dục học	PPE2002	4	384												2* Tam_ly giao duc		
02	1140007				48	Nguyễn Mai Hương				1-5, E505				01/03/2021	04/07/2021	14T			2020
03	1140007				48	Đỗ Ánh Tuyết					7-11, E101			01/03/2021	04/07/2021	14T			2020
04	1140007				48	Nguyễn Thị Duyên	1-5, E507							01/03/2021	04/07/2021	14T			2020
05	1140007				48	Nguyễn Thị Duyên		7-11, E305						01/03/2021	04/07/2021	14T UT K15 SPMT			2020
06	1140007				48	Nguyễn Thị Duyên				1-5, E507				01/03/2021	04/07/2021	14T			2020
07	1140007				48	Nguyễn Thị Tuyết Nhung		7-11, E507						01/03/2021	04/07/2021	14T			2020
08	1140007				48	Nguyễn Thị Tuyết Nhung				1-5, E101				01/03/2021	04/07/2021	14T			2020
09	1140007				48	Nguyễn Mai Hương				7-11, E507				01/03/2021	04/07/2021	14T			2020
	1140038	Giáo dục mầm non	PPE2029	3	20												2019		
01	1140038				20	Nguyễn Thị Tuyết Nhung					7-11, E301			05/04/2021	30/05/2021	K6 MN gọi phong			2019
	1140003	Giáo dục thể chất 2	PPE2011	0	768												2*2_mon_chun g_M1		
01	1140003				32	Phạm Minh Tuấn			1-5, Cầu lông					01/03/2021	18/07/2021				2020
02	1140003				32	Phạm Minh Tuấn			7-11, Cầu lông					01/03/2021	18/07/2021				2020
03	1140003				32	Phạm Minh Tuấn					1-5, Cầu lông			01/03/2021	18/07/2021				2020
04	1140003				32	Phạm Minh Tuấn					7-11, Cầu lông			01/03/2021	18/07/2021				2020
05	1140003				32	Bùi Thị Ánh Tuyết	1-5, Cầu lông							01/03/2021	18/07/2021				2020
06	1140003				32	Bùi Thị Ánh Tuyết	7-11, Cầu lông							01/03/2021	18/07/2021				2020
07	1140003				32	Bùi Thị Ánh Tuyết				1-5, Cầu lông				01/03/2021	18/07/2021				2020
08	1140003				32	Bùi Thị Ánh Tuyết				7-11, Cầu lông				01/03/2021	18/07/2021				2020
09	1140003				32	Nguyễn Minh Trâm	1-5, Khiêu vũ							01/03/2021	18/07/2021				2020
10	1140003				32	Nguyễn Minh Trâm			1-5, Võ					01/03/2021	18/07/2021				2020
11	1140003				32	Nguyễn Minh Trâm					1-5, Khiêu vũ			01/03/2021	18/07/2021				2020
12	1140003				32	Nguyễn Minh Trâm					7-11, Võ			01/03/2021	18/07/2021				2020
13	1140003				32	Lê Việt Hùng			1-5, Võ					01/03/2021	18/07/2021				2020
14	1140003				32	Lê Việt Hùng				1-5, Cầu lông				01/03/2021	18/07/2021				2020
15	1140003				32	Lê Việt Hùng		7-11, Võ						01/03/2021	18/07/2021				2020
16	1140003				32	Lê Việt Hùng			7-11, Cầu lông					01/03/2021	18/07/2021				2020
17	1140003				32	Bùi Thị Huyền			1-5, Cầu lông					01/03/2021	18/07/2021				2020
18	1140003				32	Bùi Thị Huyền		7-11, Cầu lông						01/03/2021	18/07/2021				2020
19	1140003				32	Bùi Thị Huyền				7-11, Khiêu vũ				01/03/2021	18/07/2021				2020
20	1140003				32	Bùi Thị Huyền					7-11, Cầu lông			01/03/2021	18/07/2021				2020
21	1140003				32	Phạm Thị Huyền Trang	1-5, Võ							01/03/2021	18/07/2021				2020
22	1140003				32	Phạm Thị Huyền Trang	7-11, Võ							01/03/2021	18/07/2021				2020
23	1140003				32	Phạm Thị Huyền Trang				1-5, Võ				01/03/2021	18/07/2021				2020

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
24	1140003				32	Phạm Thị Huyền Trang				7-11, Vô				01/03/2021	18/07/2021				2020
	1080223	Giới và Phát triển	CLM2203	2	30												CTXH		
01	1080223				30	Lương Thị Đào					7-11, E503			01/03/2021	20/06/2021	K1 CTXH 12T			2020
	1070072	Hát hợp xướng	*MUS2027	3													MUS2027		
01	1070072				0	Vũ Thùy Linh						1-5, D3		04/01/2021	11/04/2021				2017
	1110040	Hình họa 1	BFA2013	2	2												1* Dùng chung		
01	1110040				2	Nguyễn Huy Trung							1-5, LR			Lop riêng			2017
	1020040	Hình họa 2	FAD2051	2	52														
01	1020040				13	Vũ Thanh Nghị	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					19/04/2021	11/07/2021				2020
02	1020040				13	Nguyễn Minh Thùy	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					19/04/2021	11/07/2021				2020
03	1020040				13	Phạm Viết Minh Tri				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		19/04/2021	11/07/2021				2020
04	1020040				13	Nguyễn Minh Thùy				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		19/04/2021	11/07/2021				2020
	1170054	Hình họa 2	GRD2049	2	186														
01	1170054				15	Nguyễn Xuân Tám	7-8, C	7-8, C	7-8, C					08/03/2021	04/07/2021	K12 TKDH			2020
02	1170054				14	Nguyễn Thị My	7-8, C	7-8, C	7-8, C					08/03/2021	04/07/2021	K12 TKDH			2020
03	1170054				14	Nguyễn Hải Kiên	7-8, C	7-8, C	7-8, C					08/03/2021	04/07/2021	K12 TKDH			2020
04	1170054				15	Nguyễn Xuân Giáp				7-8, C	7-8, C	7-8, C		08/03/2021	04/07/2021	K12 TKDH			2020
05	1170054				14	Nguyễn Hải Kiên				7-8, C	7-8, C	7-8, C		08/03/2021	04/07/2021	K12 TKDH			2020
06	1170054				14	Nguyễn Hữu Dũng				7-8, C	7-8, C	7-8, C		08/03/2021	04/07/2021	K12 TKDH			2020
07	1170054				15	Nguyễn Hải Kiên	9-10, C	9-10, C	9-10, C					01/03/2021	04/07/2021	K12 TKDH			2020
08	1170054				14	Nguyễn Thị My	9-10, C	9-10, C	9-10, C					01/03/2021	04/07/2021	K12 TKDH			2020
09	1170054				14	Ng.Duy Quốc Tuấn	9-10, C	9-10, C	9-10, C					01/03/2021	04/07/2021	K12 TKDH			2020
10	1170054				15	Vũ Xuân Hiền				9-10, C	9-10, C	9-10, C		01/03/2021	04/07/2021	K12 TKDH			2020
11	1170054				14	Nguyễn Hồng Sơn				9-10, C	9-10, C	9-10, C		01/03/2021	04/07/2021	K12 TKDH			2020
12	1170054				14	Nguyễn Xuân Giáp				9-10, C	9-10, C	9-10, C		01/03/2021	04/07/2021	K12 TKDH			2020
13	1170054				14	Ng.Duy Quốc Tuấn				9-10, C	9-10, C	9-10, C		01/03/2021	04/07/2021	K12 TKDH			2020
	1060032	Hình họa 2	FAE2048	2	45												2_SPMT_M4		
01	1060032				15	Nguyễn Quang Hải	1-5, B204	1-5, B204	1-5, B204					01/03/2021	25/04/2021	K15 SPMT K7HH			2020
02	1060032				15	Nguyễn Văn Cường	1-5, B205	1-5, B205	1-5, B205					01/03/2021	25/04/2021	K15 SPMT K7HH			2020
03	1060032				15	Nguyễn Quang Hải	1-5, B206	1-5, B206	1-5, B206					01/03/2021	25/04/2021	K15 SPMT K7HH			2020
	1020042	Hình họa 4	FAD2053	2	51														
01	1020042				13	Phạm Viết Minh Tri				7-11, B	7-11, B	7-11, B		04/01/2021	14/03/2021				2019
02	1020042				13	Lê Thị Lan	7-11, B	7-11, B	7-11, B					04/01/2021	14/03/2021				2019
03	1020042				13	Trương Tuấn Anh				7-11, B	7-11, B	7-11, B		04/01/2021	14/03/2021				2019
04	1020042				12	Lê Thị Lan				7-11, B	7-11, B	7-11, B		04/01/2021	14/03/2021	K3 CNM			2019
	1060004	Hình họa 4	FAE2050	2	47												2018		
																K14			

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
01	1060004				13	Nguyễn Quang Hải				7-11, B204	7-11, B204	7-11, B204		04/01/2021	14/03/2021	SPMT K6 HH			2019
02	1060004				13	Hoàng Đức Dũng				7-11, B205	7-11, B205	7-11, B205		04/01/2021	14/03/2021	K14 SPMT K6 HH			2019
03	1060004				13	Phan Văn Hùng				7-11, B206	7-11, B206	7-11, B206		04/01/2021	14/03/2021	K14 SPMT K6 HH			2019
04	1060004				8	Nguyễn Quang Hải						1-5, BC	1-5, BC	04/01/2021	14/03/2021	K2 LT TC			2019
	1060035	Hình họa 5	FAE2001	2	120												5* FAE2001		
04	1060035				15	Nguyễn Thị May							1-5, LTK12			LT K12 TT		K12 CDL T_SP MT trong truong	2020
05	1060035				15	Lê Thị Kim Liên							1-5, LTK12			LT K12 TT			2020
06	1060035				15	Nguyễn Văn Cường							1-5, LTK12			LT K12 TT			2020
07	1060035				15	Ngô Văn Sơn							1-5, LTK12			LT K12 TT			2020
08	1060035				15	Nguyễn Thị May							1-5, LTK12 NT			LT K12 NT			2020
09	1060035				15	Lê Thị Kim Liên							1-5, LTK12 NT			LT K12 NT			2020
10	1060035				15	Vũ Hạnh Chi							1-5, LTK12 NT			LT K12 NT			2020
11	1060035				15	Nguyễn Hoàng Tùng							1-5, LTK12 NT			LT K12 NT			2020
	1060036	Hình họa 6	FAE2002	2	39												6* FAE2002		
01	1060036				13	Nguyễn Quang Hải	7-11, B204	7-11, B204	7-11, B204					04/01/2021	04/04/2021	K13 SPMT K5 HH			2018
02	1060036				13	Hoàng Đức Dũng	7-11, B205	7-11, B205	7-11, B205					04/01/2021	04/04/2021	K13 SPMT K5 HH			2018
03	1060036				13	Nguyễn Tú Anh	7-11, B206	7-11, B206	7-11, B206					04/01/2021	04/04/2021	K13 SPMT K5 HH			2018
	1060084	Hình họa 8	FAE2029	5	10												8*		
01	1060084				10	Nguyễn Tú Anh						7-11, HH5 LT	7-11, HH5 LT	04/01/2021	18/04/2021	K4 HH 2017 ghép LT			2017
	1020002	Hình họa chuyên ngành 2	FAD2021	2	65														
01	1020002				13	Trương Tuấn Anh	7-11, B	7-11, B	7-11, B					04/01/2021	07/03/2021				2018
02	1020002				13	Phạm Viết Minh Trí	7-11, B	7-11, B	7-11, B					04/01/2021	07/03/2021				2018
03	1020002				13	Ngô Văn Sơn	7-11, B	7-11, B	7-11, B					04/01/2021	07/03/2021				2018
04	1020002				13	Vũ Thanh Nghị				7-11, B	7-11, B	7-11, B		04/01/2021	07/03/2021				2018
05	1020002				13	Ngô Văn Sơn				7-11, B	7-11, B	7-11, B		04/01/2021	07/03/2021				2018
	1170014	Hình họa chuyên ngành 2	GRD2009	4	126												6_TKDH_M3		
01	1170014				14	Nguyễn Xuân Tám	7-8, A	7-8, A	7-8, A					04/01/2021	28/03/2021	K10 TKDH			2018
02	1170014				14	Vũ Xuân Hiên	7-8, A	7-8, A	7-8, A					04/01/2021	28/03/2021	K10 TKDH			2018
03	1170014				14	Nguyễn Hữu Dũng	7-8, A	7-8, A	7-8, A					04/01/2021	28/03/2021	K10 TKDH			2018
04	1170014				14	Lê Đức Cường				7-8, A	7-8, A	7-8, A		04/01/2021	28/03/2021	K10 TKDH			2018
05	1170014				14	Nguyễn Quốc Tuấn				7-8, A	7-8, A	7-8, A		04/01/2021	28/03/2021	K10			2018

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
05	1170014				14	Ng.Duy Quốc Tuấn				7-8, A	7-8, A	7-8, A		04/01/2021	28/03/2021	TKDH			2018
06	1170014				14	Vũ Xuân Hiền				7-8, A	7-8, A	7-8, A		04/01/2021	28/03/2021	K10 TKDH			2018
07	1170014				14	Vũ Xuân Hiền	9-10, A	9-10, A	9-10, A					11/01/2021	28/03/2021	K10 TKDH			2018
08	1170014				14	Lê Đức Cường	9-10, A	9-10, A	9-10, A					11/01/2021	28/03/2021	K10 TKDH			2018
09	1170014				14	Lê Đức Tùng	9-10, A	9-10, A	9-10, A					11/01/2021	28/03/2021	K10 TKDH			2018
	1170007	Hình họa màu nước	GRD2001	2	140												Hình họa nghiên cứu màu nước		
01	1170007				14	Nguyễn Xuân Tám	1-2, A	1-2, A	1-2, A					04/01/2021	25/04/2021	K11 TKDH			2019
02	1170007				14	Nguyễn Hữu Dũng	1-2, A	1-2, A	1-2, A					04/01/2021	25/04/2021	K11 TKDH			2019
03	1170007				14	Ng.Duy Quốc Tuấn	1-2, A	1-2, A	1-2, A					04/01/2021	25/04/2021	K11 TKDH			2019
04	1170007				14	Ng.Duy Quốc Tuấn				1-2, A	1-2, A	1-2, A		04/01/2021	25/04/2021	K11 TKDH			2019
05	1170007				14	Nguyễn Hồng Sơn				1-2, A	1-2, A	1-2, A		04/01/2021	25/04/2021	K11 TKDH			2019
07	1170007				14	Nguyễn Xuân Tám	3-4, A	3-4, A	3-4, A					11/01/2021	25/04/2021	K11 TKDH			2019
08	1170007				14	Lê Đức Tùng	3-4, A	3-4, A	3-4, A					11/01/2021	25/04/2021	K11 TKDH			2019
09	1170007				14	Nguyễn Hữu Dũng	3-4, A	3-4, A	3-4, A					11/01/2021	25/04/2021	K11 TKDH			2019
10	1170007				14	Nguyễn Hồng Sơn				3-4, A	3-4, A	3-4, A		11/01/2021	25/04/2021	K11 TKDH			2019
11	1170007				14	Ng.Duy Quốc Tuấn				3-4, A	3-4, A	3-4, A		11/01/2021	25/04/2021	K11 TKDH			2019
	1080094	Hình thể 2 (Kỹ thuật thể hiện)	CLM2060	3	30												DVK		
01	1080094				30	Đinh Xuân Tùng		1-5, NA401						01/03/2021		K6 DVK			2020
	1070097	Hòa tấu	MUS2063	2	40												2018		
07	1070097				10	Nguyễn Quang Tùng						1-5, PNN		01/03/2021		LT K11			2019
11	1070097				10	Phạm Hồng Phương						1-5, D103		01/03/2021		LT K11			2019
12	1070097				10	Nguyễn Quang Tùng						7-11, DNN		01/03/2021		LT K11			2019
13	1070097				10	Phạm Hồng Phương						7-11, D103		01/03/2021		LT K11			2019
	1190018	Hòa tấu 1.2	PIA2011	1															
02	1190018				0	Trần Hà Mi				9-10, D				01/03/2021	04/07/2021				2020
03	1190018				0	Cù Minh Giang							9-10, D	01/03/2021	04/07/2021				2020
04	1190018				0	Nguyễn Nguyệt Cầm							3-4, D	01/03/2021	04/07/2021				2020
05	1190018				0	Nguyễn Nguyệt Cầm							9-10, D	01/03/2021	04/07/2021				2020
06	1190018				0	Lê Nam			9-10, D					01/03/2021	04/07/2021				2020
07	1190018				0	Hà Cẩm Vân					9-10, D			01/03/2021	04/07/2021				2020
08	1190018				0	Vũ Ngọc Sơn							3-4, D	01/03/2021	04/07/2021				2020
	1190020	Hòa tấu 2.2	PIA2012	1	1														
02	1190020				0	Bá Sản						7-8, D		04/01/2021	25/04/2021				2019
03	1190020				0	Phạm Hồng Phương		1-2, D						04/01/2021	25/04/2021				2019
04	1190020				0	Phạm Hồng Phương						1-2, D		04/01/2021	25/04/2021				2019
05	1190020				0	Phạm Hoàng Lê			7-8, D					04/01/2021	25/04/2021				2019
06	1190020				0	Bá Sản			7-8, D					04/01/2021	25/04/2021				2019
07	1190020				0	Nguyễn Hiền Đức			7-8, D				1-2, D	04/01/2021	25/04/2021				2019
08	1190020				1	Bùi Đăng Khánh						7-8, D		04/01/2021	25/04/2021				2019
	1190021	Hòa tấu 3.1	PIA2013	1	1														

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
07	1190021				1	Lương Diệu Ánh					7-8, D			04/01/2021	25/04/2021				2017
	1190022	Hòa tấu 3.2	PIA2013	1	1														
02	1190022				0	Đinh Thu Hương		9-10, D						04/01/2021	25/04/2021				2018
03	1190022				0	Bá Sản			9-10, D					04/01/2021	25/04/2021				2018
04	1190022				0	Bá Sản						1-2, D		04/01/2021	25/04/2021				2018
05	1190022				0	Lương Diệu Ánh					9-10, D			04/01/2021	25/04/2021				2018
06	1190022				0	Lương Diệu Ánh				9-10, D				04/01/2021	25/04/2021				2018
07	1190022				0	Bùi Đăng Khánh						9-10, D		04/01/2021	25/04/2021				2018
08	1190022				1	Nguyễn Nguyệt Cầm						9-10, D		04/01/2021	25/04/2021				2018
	1190023	Hòa tấu 4.1	PIA2014	1	3														
09	1190023				1	Phạm Hồng Phương						9-10, D		04/01/2021	25/04/2021				2017
10	1190023				1	Lương Diệu Ánh				10-11, D				04/01/2021	25/04/2021				2017
11	1190023				1	Bùi Đăng Khánh							1-2, LR			Lop riêng			2017
	1190024	Hòa tấu 4.2	PIA2014	1	2														
01	1190024				0	Bùi Đăng Khánh			10-11, D					04/01/2021	25/04/2021				2017
02	1190024				0	Đinh Thu Hương					10-11, D			04/01/2021	25/04/2021				2017
03	1190024				0	Vũ Ngọc Sơn						10-11, D		04/01/2021	25/04/2021				2017
04	1190024				0	Nguyễn Hiền Đức					10-11, D			04/01/2021	25/04/2021				2017
05	1190024				0	Phạm Hồng Phương						10-11, D		04/01/2021	25/04/2021				2017
06	1190024				0	Nguyễn Thị Hiền Anh			4-5, D					04/01/2021	25/04/2021				2017
07	1190024				0	Đinh Thu Hương						4-5, D		04/01/2021	25/04/2021				2017
08	1190024				0	Bùi Đăng Khánh						10-11, D							2016
09	1190024				1	Nguyễn Nguyệt Cầm						1-2, D		04/01/2021					2017
10	1190024				1	Vũ Ngọc Sơn							1-2, LR			Lop riêng			2017
	1070116	Hòa thanh 1	MUS2022	3	20												3*MUS2022_2014		
01	1070116				20	Nguyễn Khải							1-5, LR						2017
	1070117	Hòa thanh 2	MUS2023	2	160												4*MUS2023_2014		
01	1070117				40	Nguyễn Khải	7-11, D304							04/01/2021	28/03/2021	K14 SPAN 10T 14A			2019
02	1070117				40	Phạm Thu Hường		7-11, D405						04/01/2021	28/03/2021	K14 SPAN 10T 14B			2019
03	1070117				40	Nguyễn Khải				1-5, D304				04/01/2021	28/03/2021	K14 SPAN 10T 14C			2019
04	1070117				40	Nguyễn Hồng Trang					1-5, DNN			04/01/2021	28/03/2021	K14 SPAN 10T 14D			2019
	1190025	Hòa thanh trên đàn 1	PIA2015	2	30														
01	1190025				30	Bùi Duy Anh			1-5, D4					04/01/2021	28/02/2021				2019
	1070062	Hoạt động ngoài giờ lên lớp	MUS2033	2	120												6*MUS2033		
02	1070062				40	Nguyễn Thị Lệ Huyền	7-11, D1							04/01/2021	02/05/2021	K13 SPAN 15T			2018
03	1070062				40	Đoàn Thị Thu Hà			1-5, D1					04/01/2021	02/05/2021	K13 SPAN 15T			2018
04	1070062				40	Đoàn Thị Thu Hà					1-5, D1			04/01/2021	02/05/2021	K13 SPAN 15T			2018
	1070012	Hợp xướng 2	MUS2081	2	140												2019		
																K14			

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
01	1070012				35	Phạm Hoàng Trung	7-11, D3							04/01/2021	18/04/2021	SPAN 13T			2019
02	1070012				35	Phạm Xuân Danh			7-11, D3					04/01/2021	18/04/2021	K14 SPAN 13T			2019
03	1070012				35	Phạm Xuân Danh			1-5, D3					04/01/2021	18/04/2021	K14 SPAN 13T			2019
04	1070012				35	Lê Vinh Hưng					1-5, D3			04/01/2021	18/04/2021	K14 SPAN 13T			2019
	1060071	Hướng dẫn trang trí MTHĐ ở trường MN	FAE2063	2	10														
01	1060071				10	Nguyễn Thị Giang				7-11, E505				11/01/2021	21/03/2021	K6 MN AN			2019
	1080039	Huy động tài trợ	CLM2040	2	45												6_QLVH_M4_TC		
01	1080039				45	Ng.Thị Thanh Mai			7-11, E502					04/01/2021	25/04/2021	K12 QLVH			2018
	1060056	In độc bản	FAE2017	2	39												1*FAE2017		
07	1060056				13	Nguyễn Thị May	7-11, B104	7-11, B104	7-11, B104					05/04/2021	09/05/2021	K13 SPMT K5 HH			2018
08	1060056				13	Lê Thị Kim Liên	7-11, B102	7-11, B102	7-11, B102					05/04/2021	09/05/2021	K13 SPMT K5 HH			2018
09	1060056				13	Hoàng Đức Dũng	7-11, B103	7-11, B103	7-11, B103					05/04/2021	09/05/2021	K13 SPMT K5 HH			2018
	1070139	Keyboard/Guitar 1	*MUS2085	1															
01	1070139				0	Hà Tân Mùi	9-10, C208							01/03/2021	04/07/2021				2020
02	1070139				0	Vũ Thanh Xuân	9-10, C210							01/03/2021	04/07/2021				2020
03	1070139				0	Lương Đức Giang	9-10, C310							01/03/2021	04/07/2021				2020
04	1070139				0	Bá Sản	9-10, D101							01/03/2021	04/07/2021				2020
05	1070139				0	Trần Bích Thủy	9-10, D102							01/03/2021	04/07/2021				2020
06	1070139				0	Cù Minh Giang	9-10, D103							01/03/2021	04/07/2021				2020
07	1070139				0	Đào văn Kiên	9-10, D107							01/03/2021	04/07/2021				2020
08	1070139				0	Lương Diệu Ánh	9-10, D108							01/03/2021	04/07/2021				2020
09	1070139				0	Bùi Thị Diệu Minh			3-4, C208					01/03/2021	04/07/2021				2020
10	1070139				0	Trần Bích Thủy			3-4, C210					01/03/2021	04/07/2021				2020
11	1070139				0	Cù Minh Giang			3-4, C310					01/03/2021	04/07/2021				2020
12	1070139				0	Lương Diệu Ánh			3-4, D101					01/03/2021	04/07/2021				2020
13	1070139				0	Đặng Thái Sơn			3-4, D102					01/03/2021	04/07/2021				2020
14	1070139				0	Lê Nam			3-4, D103					01/03/2021	04/07/2021				2020
15	1070139				0	Đào văn Kiên			3-4, D107					01/03/2021	04/07/2021				2020
16	1070139				0	Ngô Thị Việt Anh			3-4, D108					01/03/2021	04/07/2021				2020
17	1070139				0	Trần Quốc Thùy				9-10, C210				01/03/2021	04/07/2021				2020
18	1070139				0	Nguyễn Thị Thu Hương				9-10, D101				01/03/2021	04/07/2021				2020
19	1070139				0	Hà Tân Mùi				9-11, D107				01/03/2021	04/07/2021				2020
20	1070139				0	Ngô Thị Việt Anh				9-11, D108				01/03/2021	04/07/2021				2020
21	1070139				0	Đoàn Anh Vũ					3-4, C208			01/03/2021	04/07/2021				2020
22	1070139				0	Bùi Thị Diệu Minh					3-4, C210			01/03/2021	04/07/2021				2020
23	1070139				0	Nguyễn Thị Thu Hương					3-4, C310			01/03/2021	04/07/2021				2020
24	1070139				0	Vũ Ngọc Sơn					3-4, D101			01/03/2021	04/07/2021				2020
25	1070139				0	Trần Bích Thủy						3-4, C208		01/03/2021	04/07/2021				2020
26	1070139				0	Lương Đức Giang						3-4, C210		01/03/2021	04/07/2021				2020

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
27	1070139				0	Dương Vũ Bình Minh						3-4, D102		01/03/2021	04/07/2021				2020
28	1070139				0	Trần Quốc Thùy						3-4, D108		01/03/2021	04/07/2021				2020
29	1070139				0	Nguyễn Nguyệt Cầm			3-4, D					01/03/2021	04/07/2021				2020
30	1070139				0	Nguyễn Quang Tùng			12-12, D					01/03/2021	04/07/2021				2020
31	1070139				0	Cù Minh Giang	13-15, D108							01/03/2021	04/07/2021				2020
32	1070139				0	Vũ Thanh Xuân			13-15, D101					01/03/2021	04/07/2021				2020
33	1070139				0	Trần Hoài Sơn			13-15, D108					01/03/2021	04/07/2021				2020
34	1070139				0	Cù Minh Giang			13-15, D107					01/03/2021	04/07/2021				2020
	1070141	Keyboard/Guitar 2	*MUS2086	1															
01	1070141				0	Nguyễn Nguyệt Cầm		9-10, D103						04/01/2021	25/04/2021				2019
02	1070141				0	Nguyễn Thị Thu Hương						3-4, D101		04/01/2021	25/04/2021				2019
03	1070141				0	Lương Diệu Ánh				3-4, D108				04/01/2021	25/04/2021				2019
04	1070141				0	Trần Bích Thủy		3-4, D107						04/01/2021	25/04/2021				2019
05	1070141				0	Vũ Ngọc Sơn			9-10, D103					04/01/2021	25/04/2021				2019
06	1070141				0	Lương Đức Giang	3-4, C310							04/01/2021	25/04/2021				2019
07	1070141				0	Đặng Thái Sơn		9-10, D101						04/01/2021	25/04/2021				2019
08	1070141				0	Cù Minh Giang		3-4, D101						04/01/2021	25/04/2021				2019
09	1070141				0	Bùi Thị Diệu Minh						1-5, C210		04/01/2021	25/04/2021				2019
10	1070141				0	Hà Tân Mùi				3-4, D103				04/01/2021	25/04/2021				2019
11	1070141				0	Bá Săn	3-4, D101							04/01/2021	25/04/2021				2019
12	1070141				0	Đào Văn Thực				3-4, D102				04/01/2021	25/04/2021				2019
13	1070141				0	Dương Vũ Bình Minh						7-11, D107		04/01/2021	25/04/2021				2019
14	1070141				0	Đoàn Anh Vũ		9-10, D102						04/01/2021	25/04/2021				2019
15	1070141				0	Ngô Thị Việt Anh	3-4, D108							04/01/2021	25/04/2021				2019
	1070101	Keyboard/Guitar 3	*MUS2087	1	20												2019		
05	1070101				0	Mai Trần Hoàn							9-10, D101	01/03/2021					2020
06	1070101				0	Vũ Ngọc Sơn							9-10, D102	01/03/2021					2020
08	1070101				0	Trần Hoài Sơn							9-10, D	01/03/2021					2020
09	1070101				10	Mai Trần Hoàn							1-5, D107	01/03/2021		K12 LT			2020
10	1070101				10	Vũ Ngọc Sơn							1-5, D107	01/03/2021		K12 LT			2020
	1080013	Khoa học quản lý và Quản lý văn hóa	CLM2011	3	80												2_QLVH_M3		
01	1080013				40	Bùi Hồng Hạnh					1-5, E501			01/03/2021	04/07/2021	K14 QLVH 14T			2020
02	1080013				40	Bùi Hồng Hạnh					7-11, E501			01/03/2021	04/07/2021	K14 QLVH 14T			2020
	1060111	Khóa luận/Hoạt động SPMT tổng hợp	FAE2083	5	20												2019		
01	1060111				20								13-13, TN			K11 LTCQ			2019
	1130012	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	POL2010	2	750												2 2019		
01	1130012				75	Bạch Thị Lan Anh							1-5, E301	01/03/2021	25/04/2021	8T			2020
02	1130012				75	Bạch Thị Lan Anh						7-11, E301		01/03/2021	25/04/2021	8T			2020
03	1130012				75	Nguyễn Thị Huyền	1-5, E505							01/03/2021	25/04/2021	8T			2020
04	1130012				75	Nguyễn Thị Huyền		1-5, E101						01/03/2021	25/04/2021	8T			2020
05	1130012				75	Nguyễn Thị Huyền			1-5, E301					01/03/2021	25/04/2021	8T			2020
06	1130012				75	Nguyễn Thị Huyền	7-11, E301							01/03/2021	25/04/2021	8T			2020
07	1130012				75	Nguyễn Thị Huyền		7-11, E101						01/03/2021	25/04/2021	8T			2020
08	1130012				75	Nguyễn Thị Huyền			7-11, E405					01/03/2021	25/04/2021	8T			2020
09	1130012				75	Trịnh Anh Tuấn				1-5, E301				15/03/2021	06/06/2021	8T			2020

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
10	1130012				75	Trịnh Anh Tuấn				7-11, E101				01/03/2021	25/04/2021	8T			2020
	1170021	Kỹ họa	GRD2016	2	180												TKDH_M3_T C		
01	1170021				15	Nguyễn Hải Kiên	1-4, E605							22/03/2021	06/06/2021	K12 TKDH			2020
02	1170021				15	Nguyễn Thị My	1-4, E605							22/03/2021	06/06/2021	K12 TKDH			2020
03	1170021				15	Lê Đức Tùng	1-4, E605							22/03/2021	06/06/2021	K12 TKDH			2020
04	1170021				15	Nguyễn Hồng Sơn	1-4, E605							22/03/2021	06/06/2021	K12 TKDH			2020
05	1170021				15	Lê Đức Cường		1-4, E605						22/03/2021	06/06/2021	K12 TKDH			2020
06	1170021				15	Nguyễn Quang Huy		1-4, E605						22/03/2021	06/06/2021	K12 TKDH			2020
07	1170021				15	Nguyễn Thị My		1-4, E605						22/03/2021	06/06/2021	K12 TKDH			2020
08	1170021				15	Phạm Minh Phong		1-4, E605						22/03/2021	06/06/2021	K12 TKDH			2020
09	1170021				15	Nguyễn Xuân Tám				1-4, E605				22/03/2021	06/06/2021	K12 TKDH			2020
10	1170021				15	Ng.Duy Quốc Tuấn				1-4, E605				22/03/2021	06/06/2021	K12 TKDH			2020
11	1170021				15	Lê Đức Tùng				1-4, E606				22/03/2021	06/06/2021	K12 TKDH			2020
12	1170021				15	Nguyễn Xuân Giáp				1-4, E606				22/03/2021	06/06/2021	K12 TKDH			2020
	1060053	Kỹ họa	FAE2027	2	45												1*_SPMT_M4_ TC		
01	1060053				15	Lê Thị Kim Liên	1-5, B204	1-5, B204	1-5, B204					31/05/2021	25/07/2021	K15 SPMT			2020
02	1060053				15	Nguyễn Huy Trung	1-5, B205	1-5, B205	1-5, B205					31/05/2021	25/07/2021	K15 SPMT			2020
03	1060053				15	Nguyễn Thị May	1-5, B206	1-5, B206	1-5, B206					31/05/2021	25/07/2021	K15 SPMT			2020
	1140030	Kỹ năng giao tiếp	PPE2022	2	10												1*		
01	1140030				10	Đỗ Ánh Tuyết					1-5, E301			04/01/2021	14/03/2021	K5 MN AN Trung TBH			2018
	1140039	Kỹ năng khởi nghiệp	PPE2030	3	371												2020		
01	1140039				53	Lương Thị Thanh Hải						1-5, E301		22/03/2021	06/06/2021				2020
02	1140039				53	Lương Thị Thanh Hải						1-5, E501		22/03/2021	06/06/2021				2020
03	1140039				53	Lương Thị Thanh Hải						1-5, E506		22/03/2021	06/06/2021				2020
04	1140039				53	Lương Thị Thanh Hải						1-5, E503		22/03/2021	06/06/2021				2020
06	1140039				53	Lương Thị Thanh Hải						7-11, E503		22/03/2021	06/06/2021				2020
07	1140039				53	Lương Thị Thanh Hải						7-11, E403		22/03/2021	06/06/2021				2020
08	1140039				53	Lương Thị Thanh Hải						7-11, E501		22/03/2021	06/06/2021				2020
	1080097	Kỹ thuật biểu diễn kịch - điện ảnh 2	CLM2063	3	30														
01	1080097				30	Kiều Minh Hiếu					1-5, NA401			01/03/2021		K6 DVK			2020
	1080099	Kỹ thuật biểu diễn kịch - điện ảnh 4	CLM2065	3	30														
01	1080099				30	Trần Hoàng				7-11, NA401				04/01/2021		K5 DVK			2019
	1080101	Kỹ thuật biểu diễn kịch - điện ảnh 6	CLM2067	3	16														
02	1080101				16	Dương Anh Đức				1-5, NA401				04/01/2021		K4 DVK			2018
	1080102	Kỹ thuật biểu diễn kịch - điện ảnh 7	CLM2068	3	30														
02	1080102				30	Đinh Xuân Tùng	1-5, NA401							01/03/2021	09/05/2021	K2 LT DVK			2020
	1080103	Kỹ thuật biểu diễn kịch - điện ảnh 8	CLM2069	3	30														
01	1080103				30	Trần Hoàng			7-11, NA401					04/01/2021	25/04/2021	K3 DVK			2017

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
	1100046	Kỹ thuật diễn viên	VMU2010	2	40												4_TN_M4		
01	1100046				20	Tạ Vũ Thu		7-9, D4						04/01/2021	28/03/2021	K7 TN 10T			2019
02	1100046				20	Tạ Vũ Thu		10-12, D4						04/01/2021	28/03/2021	K7 TN 10T			2019
	1200037	Kỹ thuật dựng rạp 3D trên manocanh	DGI2037	3	10														
01	1200037				10	Ngô Thị Thùy Thu	1-5, E							04/01/2021	21/03/2021				2018
	1070015	Kỹ xướng âm 2	MUS2018	2	347												2* Dừng chung		
01	1070015				17	Nguyễn Hồng Trang	1-5, D204							01/03/2021	04/07/2021	K15 SPAN			2020
02	1070015				17	Trần Thị Thanh Hương	1-5, D304							01/03/2021	04/07/2021	K15 SPAN			2020
03	1070015				17	Nghiêm Hồng Hà	7-11, D204							01/03/2021	04/07/2021	K15 SPAN			2020
04	1070015				17	Nguyễn Đức Linh	7-11, D404							01/03/2021	04/07/2021	K15 SPAN			2020
05	1070015				17	Vũ Thị Kim Thu		1-5, D404						01/03/2021	04/07/2021	K15 SPAN			2020
06	1070015				17	Ng.Thị Thu Trang		1-5, D304						01/03/2021	04/07/2021	K15 SPAN			2020
07	1070015				17	Nghiêm Hồng Hà		7-11, D204						01/03/2021	04/07/2021	K15 SPAN			2020
08	1070015				17	Nguyễn Khải			1-5, D404					01/03/2021	04/07/2021	K15 SPAN			2020
09	1070015				17	Nguyễn Hồng Trang			1-5, D405					01/03/2021	04/07/2021	K15 SPAN			2020
10	1070015				17	Mai Linh Chi			7-11, PNN					01/03/2021	04/07/2021	K15 SPAN			2020
11	1070015				17	Phạm Thu Hường			7-11, D404					01/03/2021	04/07/2021	K15 SPAN			2020
12	1070015				16	Nguyễn Thị Phương Mai				1-5, D204				01/03/2021	04/07/2021	K15 SPAN			2020
13	1070015				16	Nguyễn Thị Lệ Huyền				1-5, D404				01/03/2021	04/07/2021	K15 SPAN			2020
14	1070015				16	Vũ Thị Kim Thu				7-11, D404				01/03/2021	04/07/2021	K15 SPAN			2020
15	1070015				16	Nguyễn Thị Phương Mai				7-11, D204				01/03/2021	04/07/2021	K15 SPAN			2020
16	1070015				16	Nguyễn Khải					1-5, D404			01/03/2021	04/07/2021	K15 SPAN			2020
17	1070015				16	Nguyễn Đức Linh					1-5, D204			01/03/2021	04/07/2021	K15 SPAN			2020
18	1070015				16	Trần Thị Thanh Hương					7-11, D204			01/03/2021	04/07/2021	K15 SPAN			2020
19	1070015				16	Khuất Duy Nhã						1-5, D204		01/03/2021	04/07/2021	K15 SPAN			2020
20	1070015				16	Vũ Thị Kim Thu						1-5, D304		01/03/2021	04/07/2021	K15 SPAN			2020
21	1070015				16	Nghiêm Hồng Hà						7-11, D305		01/03/2021	04/07/2021	K15 SPAN			2020
	1070021	Kỹ xướng âm 3	MUS2019	2	20												3* MUS2019		
13	1070021				20	Vũ Thị Kim Thu							1-5, LR						2017
	1070026	Kỹ xướng âm 4	MUS2020	2	153												4* MUS2020		
01	1070026				17	Khuất Duy Nhã	1-5, D406							04/01/2021	18/04/2021	K14 SPAN 13T			2019
02	1070026				17	Nguyễn Đức Linh	1-5, D405							04/01/2021	18/04/2021	K14 SPAN 13T			2019
03	1070026				17	Phạm Thu Hường		1-5, D204						04/01/2021	18/04/2021	K14 SPAN			2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
																13T			
04	1070026				17	Nghiêm Hồng Hà			7-11, D204					04/01/2021	18/04/2021	K14 SPAN 13T			2019
05	1070026				17	Khuất Duy Nhã				1-5, D406				04/01/2021	18/04/2021	K14 SPAN 13T			2019
06	1070026				17	Phạm Thu Hường				7-11, D406				04/01/2021	18/04/2021	K14 SPAN 13T			2019
07	1070026				17	Vũ Thị Kim Thu					1-5, D304			04/01/2021	18/04/2021	K14 SPAN 13T			2019
08	1070026				17	Nguyễn Thị Lệ Huyền					1-5, D405			04/01/2021	18/04/2021	K14 SPAN 13T			2019
09	1070026				17	Mai Linh Chi						7-11, D404		04/01/2021	18/04/2021	K14 SPAN 13T			2019
	1100095	Lịch sử & phương pháp sư phạm Thanh nhạc	VMU2022	3	70												2017		
01	1100095				35	Trần Mai Tuyết				1-5, D4				01/03/2021	06/06/2021	K8 TN 10T			2020
02	1100095				35	Trần Mai Tuyết				7-11, D4				01/03/2021	06/06/2021	K8 TN 10T			2020
	1070025	Lịch sử âm nhạc thế giới 2	MUS2005	2	20												2*MUS2005		
01	1070025				20	Đoàn Thị Thu Hà							1-5, LR						2017
	1070104	Lịch sử âm nhạc thế giới 2	MUS2061	2	160												2018		
01	1070104				40	Đoàn Thị Thu Hà		7-11, E306						04/01/2021	28/03/2021	K14 SPAN 10T			2019
02	1070104				40	Đoàn Thị Thu Hà			7-11, E306					04/01/2021	28/03/2021	K14 SPAN 10T			2019
03	1070104				40	Trần Thị Thanh Hương				1-5, DNN				04/01/2021	28/03/2021	K14 SPAN 10T			2019
04	1070104				40	Nghiêm Hồng Hà					1-5, D2			04/01/2021	28/03/2021	K14 SPAN 10T			2019
	1140041	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POL2013	2	20												5 2019		
01	1140041				20	Phạm Ngọc Anh							7-11, E	08/03/2021					2019
	1170012	Lịch sử Mỹ thuật ứng dụng	GRD2007	2	120												6_TKDH_M3		
01	1170012				40	Quách Thị Ngọc An		1-5, E602						22/03/2021	04/04/2021	K10 TKDH			2018
02	1170012				40	Quách Thị Ngọc An		7-11, E602						22/03/2021	04/04/2021	K10 TKDH			2018
03	1170012				40	Quách Thị Ngọc An					7-11, E601			22/03/2021	04/04/2021	K10 TKDH			2018
	1060029	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam	FAE2080	2	45												6_SPMT_M4		
01	1060029				45	Nguyễn Thị Giang					7-11, E505			04/01/2021	28/03/2021	K13 SPMT K5 HH			2018
	1060112	Lịch sử nghệ thuật	FAE2076	2	3														
01	1060112				3	Nguyễn Minh Tân			7-11, E505					04/01/2021	28/02/2021	K6 HH			2019
	1190033	Lịch sử nghệ thuật Piano	PIA2001	2	30														
01	1190033				30	Trần Vương Thanh					4-6, D4			04/01/2021	28/03/2021				2018
	1060024	Lịch sử nghệ thuật tạo hình Thế giới và Việt nam	FAE2067	2	15												5_SPMT_M3_TC		
01	1060024				15	Nguyễn Minh Tân			7-11, E505					01/03/2021	25/04/2021	K4 DVK			2018
	1100045	Lịch sử nghệ thuật Thanh nhạc	VMU2008	2	1												4_TN_M4		

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
01	1100045				1	Trần Mai Tuyết							1-5, LR			Lop riêng			2017
	1080084	Lịch sử sân khấu Thế giới và Việt Nam	CLM2057	3	30														
02	1080084				30	Hà Thị Hoa			1-5, E502					25/01/2021		K5 DVK			2019
	1020025	Lịch sử trang phục Việt Nam và thế giới	FAD2017	2	40														
01	1020025				40	Lê Phương Anh						1-5, E701		04/01/2021	28/02/2021				2019
	1130005	Lịch sử triết học 1	POL2005	2	10												5* 6_TKDH_TC		
01	1130005				10	Đinh Văn Hoàng					1-5, E505			04/01/2021	14/02/2021	K6 HH			2019
	1080008	Lịch sử văn minh thế giới	CLM2004	2	60												1_QLVH_M2_TC		
02	1080008				60	Vũ Thị Thái Hoa							1-5, LR			Lop riêng			2017
	1060023	Luật xa gần	FAE2078	2	180												1_SPMT_M3		
01	1060023				45	Vũ Hạnh Chi				1-5, E506				15/03/2021	20/06/2021	K15 SPMT K12 TKDH			2020
02	1060023				45	Vũ Hạnh Chi					7-11, E506			01/03/2021	06/06/2021	K15 SPMT K12 TKDH			2020
03	1060023				45	Vũ Hạnh Chi	7-11, E506							01/03/2021	06/06/2021	K15 SPMT K12 TKDH			2020
04	1060023				45	Vũ Hạnh Chi		7-11, E506						01/03/2021	06/06/2021	K15 SPMT K12 TKDH			2020
	1060025	Lý luận và phê bình Mỹ thuật	FAE2086	2	60												2019		
01	1060025				30	Đào Thị Thuý Anh							1-5, BC			K11 MT			2019
02	1060025				30	Nguyễn Minh Tân							1-5, BC			K11 MT			2019
	1080049	Lý luận văn hóa (Tốt nghiệp)	CLM2051	5	45												8_QLVH_M5		
01	1080049				45								7-8, HPTN						2017
	1070013	Lý thuyết Âm nhạc 2	MUS2009	2	360												2*MUS2009		
01	1070013				40	Ng.Thị Thu Trang	1-5, D404							01/03/2021	13/06/2021	K15 SPAN Lop 15A			2020
02	1070013				40	Nguyễn Thị Phương Mai		1-5, DNN						01/03/2021	13/06/2021	K15 SPAN B			2020
03	1070013				40	Mai Linh Chi		7-11, D304						01/03/2021	13/06/2021	K15 SPAN C			2020
04	1070013				40	Nguyễn Thị Phương Mai		7-11, D305						01/03/2021	13/06/2021	K15 SPAN			2020
05	1070013				40	Trần Thị Thanh Hương			7-11, D305					01/03/2021	13/06/2021	K15 SPAN F			2020
06	1070013				40	Ng.Thị Thu Trang				1-5, D305				01/03/2021	13/06/2021	K15 SPAN E			2020
07	1070013				40	Mai Linh Chi				7-11, D1				01/03/2021	13/06/2021	K15 SPAN D			2020
08	1070013				40	Ng.Thị Thu Trang					1-5, D305			01/03/2021	13/06/2021	K15 SPAN G			2020
09	1070013				40	Ng.Thị Thu Trang					7-11, DNN			01/03/2021	13/06/2021	K15 SPAN			2020
	1070126	Lý thuyết Âm nhạc mầm non (HP tốt nghiệp)	MUS2051	5	10														
01	1070126				10								13-14, HPTN			K4 SPANMN 2017			2017
	1090132	Lý thuyết Âm nhạc tổng hợp		3	35												2018		
																		TC-A	

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
06	1090132				14													N-Ca o bang	2019
07	1090132				21													C_A N-Ca o bang	2019
	1070081	Lý thuyết Âm nhạc tổng hợp (HP tốt nghiệp)	MUS2049	5	150														
01	1070081				150								13-14, HPTN			K12 SPAN 2017			2017
	1060095	Lý thuyết Mỹ thuật Mầm non (HP tốt nghiệp)	FAE2035	6	1												SPMT MN		
01	1060095				1								1-5, TN MN						2017
	1060010	Lý thuyết Mỹ thuật TH (HP tốt nghiệp)	FAE2023	5	1												2018		
01	1060010				1								13-13, TN				K10 LT BS		2019
	1060069	Lý thuyết Mỹ thuật tổng hợp (HP tốt nghiệp)	FAE2023	6	30												8_SPMT_M6		
01	1060069				30								13-14, TN	24/05/2021			K12 SPMT 2017		2017
	1020003	Marketing thời trang	FAD2013	2	70														
01	1020003				35	Lê Phương Anh	7-11, E							04/01/2021	28/02/2021				2018
02	1020003				35	Lê Phương Anh					1-5, E			04/01/2021	28/02/2021				2018
	1070002	Múa	*MUS2011	3													MUS2011		
01	1070002				0	Ng.Th.Quỳnh Phương	1-5, E607 CA1							01/03/2021	18/07/2021				2020
02	1070002				0	Ng.Th.Quỳnh Phương	1-5, E607 CA 2							01/03/2021	18/07/2021				2020
03	1070002				0	Ng.Th.Quỳnh Phương			7-11, E607 CA1					01/03/2021	18/07/2021				2020
04	1070002				0	Ng.Th.Quỳnh Phương			7-11, E607 CA2					01/03/2021	18/07/2021				2020
05	1070002				0	Ng.Th.Quỳnh Phương					1-5, E607 CA1			01/03/2021	18/07/2021				2020
06	1070002				0	Ng.Th.Quỳnh Phương					1-5, E607 CA 2			01/03/2021	18/07/2021				2020
07	1070002				0	Phạm Ngọc Thùy					7-11, E607 CA1			01/03/2021	18/07/2021				2020
08	1070002				0	Phạm Ngọc Thùy					7-11, E607 CA2			01/03/2021	18/07/2021				2020
09	1070002				0	Ng.Th.Quỳnh Phương						1-5, E607 CA1		01/03/2021	18/07/2021				2020
10	1070002				0	Ng.Th.Quỳnh Phương						1-5, E607 CA 2		01/03/2021	18/07/2021				2020
11	1070002				0	Phạm Ngọc Thùy						7-11, E607 CA1		01/03/2021	18/07/2021				2020
12	1070002				0	Phạm Ngọc Thùy						7-11, E607 CA2		01/03/2021	18/07/2021				2020
	1080051	Mỹ học	CLM2006	2	98												1_QLVH_M1		
01	1080051				49	Trần Vĩnh Khương		1-5, E502						01/03/2021	04/07/2021		K14 QLVH 14T		2020
02	1080051				49	Trần Vĩnh Khương		7-11, E502						01/03/2021	04/07/2021		K14 QLVH 14T		2020
	1060098	Mỹ học	FAE2072	2	50												2*		
05	1060098				50	Nguyễn Minh Tân				1-5, E506				04/01/2021	14/03/2021		K13 TKTT		2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
	1060057	Mỹ thuật đương đại	FAE2057	2	10												_SPMT_M4_TC		
01	1060057				10	Đào Thị Thuý Anh				1-5, BC				18/01/2021	13/03/2021				2018
	1110014	Mỹ thuật học	BFA2012	3	5												1*MTCS_K4_SPMT		
01	1110014				5	Đào Thị Thuý Anh							7-11, LR			Lop riêng			2017
	1060109	Mỹ thuật học	FAE2096	2	40												2019		
01	1060109				40	Nguyễn Thị Giang		7-11, E505						04/01/2021	11/04/2021	K14 SPMT K6 HH			2019
	1170024	Nghệ thuật chữ	GRD2019	2	115												4_TKDH_M4		
01	1170024				35	Phạm Hùng Cường				7-11, E603				22/02/2021	11/04/2021	K11 TKDH			2019
02	1170024				40	Ng.Hoài Phương Anh		7-11, E603						22/02/2021	11/04/2021	K11 TKDH			2019
03	1170024				40	Phạm Phương Linh					1-5, E603			22/02/2021	11/04/2021	K11 TKDH			2019
	1080042	Nghệ thuật diễn giảng và tổ chức HD tập thể	CLM2043	2	70												7_QLVH_M4_TC		
01	1080042				70	Ng.Thị Thanh Mai					7-11, E502			04/01/2021	25/04/2021	K13 QLVH			2019
	1070052	Nghệ thuật học đại cương	MUS2003	2	1												1*MUS2003		
05	1070052				1	Lại Hồng Phong							1-5, LR			Lop riêng			2017
	1060021	Nghệ thuật học đại cương	FAE2070	2	1												4_SPMT_M3		
05	1060021				1	Nguyễn Minh Tân							1-5, LR			Lop riêng			2017
	1170022	Nghệ thuật nhiếp ảnh	GRD2017	2	161												4_TKDH_M4		
01	1170022				40	Nguyễn Văn Hiến		7-11, E605						04/01/2021	28/02/2021	K11 TKDH			2019
02	1170022				40	Nguyễn Hải Kiên					1-5, E605			04/01/2021	28/02/2021	K11 TKDH			2019
03	1170022				41	Nguyễn Quang Huy					7-11, E605			04/01/2021	28/02/2021	K11 TKDH			2019
04	1170022				40	Nguyễn Trần Thế Hiệp					7-11, E			04/01/2021	28/02/2021				2019
	1060058	Nghệ thuật thiết kế	FAE2018	2	161												1*FAE2018		
01	1060058				13	Nguyễn Tuấn Cường	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					04/01/2021	14/03/2021	K14 SPMT K6 HH			2019
02	1060058				13	Nguyễn Thị Trang Ngà	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					04/01/2021	14/03/2021	K14 SPMT K6 HH			2019
03	1060058				13	Chu Thị Hương Thu	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					04/01/2021	14/03/2021	K14 SPMT K6 HH			2019
04	1060058				15	Vũ Thị Kim Vân							1-5, Ttruong			LT K12			2020
05	1060058				15	Nguyễn Thị Hà Hoa							1-5, Ttruong			LT K12			2020
06	1060058				15	Nguyễn Tuấn Cường							1-5, Ttruong			LT K12			2020
07	1060058				15	Nguyễn Quang Huy							1-5, Ttruong			LT K12			2020
08	1060058				15	Nguyễn Thị Hà Hoa							1-5, Ntruong			LT K12			2020
09	1060058				15	Nguyễn Quang Huy							1-5, Ntruong			LT K12			2020
10	1060058				15	Nguyễn Thị Trang Ngà							1-5, Ntruong			LT K12			2020
11	1060058				15	Nguyễn Tuấn Cường							1-5, Ntruong			LT K12			2020
12	1060058				2	Lưu Thị Hồng Diễm							1-5, LR			Lop riêng			2017
	1170011	Nguyên lý thị giác	GRD2006	4	1												5_TKDH_M3		
04	1170011				1	Nguyễn Thành Sơn							1-5, LR			Lop riêng			2016
	1100006	Nhạc cụ 1	*IMU2001	1													2_span		
01	1100006				0	Cù Minh Giang	13-13, HL							04/01/2021	25/04/2021				2018

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
02	1100006				0	Đào văn Kiên	13-13, HL							04/01/2021	25/04/2021				2018
03	1100006				0	Nguyễn Quang Tùng			9-10, D					04/01/2021	25/04/2021				2018
04	1100006				0	Ngô Thị Việt Anh				13-13, HL				04/01/2021	25/04/2021				2018
	1100002	Nhạc cụ 2	*IMU2002	1													4_SPAN_M4		
01	1100002				0	Đào văn Kiên			13-13, HL					04/01/2021	25/04/2021				2018
	1100076	Nhạc cụ 3	*VMI2013	1													7_SPAN		
01	1100076				0	Bùi Thị Diệu Minh	3-4, D107							04/01/2021	25/04/2021				2018
02	1100076				0	Đoàn Anh Vũ	3-4, D102							04/01/2021	25/04/2021				2018
03	1100076				0	Bá Săn		3-4, D108						04/01/2021	25/04/2021				2018
04	1100076				0	Đoàn Anh Vũ		3-4, D102						04/01/2021	25/04/2021				2018
05	1100076				0	Trần Quốc Thùy						7-11, HL		04/01/2021	25/04/2021				2018
06	1100076				0	Phạm Hồng Phương	3-4, D103							04/01/2021	25/04/2021				2018
07	1100076				0	Đào văn Kiên			9-10, D107					04/01/2021	25/04/2021				2018
08	1100076				0	Nguyễn Nguyệt Cầm		9-10, D103						04/01/2021	25/04/2021				2018
09	1100076				0	Nguyễn Quang Tùng			9-10, C208					04/01/2021	25/04/2021				2018
10	1100076				0	Lương Đức Giang				9-10, C310				04/01/2021	25/04/2021				2018
11	1100076				0	Đoàn Anh Vũ					9-10, D101			04/01/2021	25/04/2021				2018
12	1100076				0	Hà Tân Mùi					9-10, C208			04/01/2021	25/04/2021				2018
13	1100076				0	Nguyễn Thị Thu Hương						9-10, D101		04/01/2021	25/04/2021				2018
14	1100076				0	Vũ Ngọc Sơn					7-8, D102			04/01/2021	25/04/2021				2018
15	1100076				0	Đặng Thái Sơn				9-10, D102				04/01/2021	25/04/2021				2018
	1070094	Nhạc cụ tự chọn	*MUS2064	2													2018		
01	1070094				0	Nguyễn Quang Tùng						11-12, C210 Guita							2018
02	1070094				0	Bùi Thị Diệu Minh						11-12, C210 Rcder							2018
03	1070094				0	Nguyễn Thị Thu Hương		11-12, C210 Rcder											2018
04	1070094				0	Nguyễn Thành Vinh		5-6, C210 RCder											2018
	1070146	Nhạc cụ tự chọn	*MUS2082	1	20												2019		
01	1070146				0	Phạm Hồng Phương					5-6, D103 Guita			04/01/2021	25/04/2021				2019
02	1070146				0	Phạm Hồng Phương					11-12, D103 Guita			04/01/2021	25/04/2021				2019
03	1070146				0	Nguyễn Nguyệt Cầm		5-6, D103 Guita						04/01/2021	25/04/2021				2019
04	1070146				0	Nguyễn Nguyệt Cầm				11-12, D103 Guita				04/01/2021	25/04/2021				2019
05	1070146				0	Nguyễn Quang Tùng		5-6, C208 Guita						04/01/2021	25/04/2021				2019
06	1070146				0	Nguyễn Quang Tùng				5-6, C208 Guita				04/01/2021	25/04/2021				2019
07	1070146				0	Nguyễn Quang Tùng				11-12, C208 Guita				04/01/2021	25/04/2021				2019
08	1070146				0	Nguyễn Thị Lệ Huyền		11-12, C208 Vio						04/01/2021	25/04/2021				2019
09	1070146				0	Nguyễn Thành Vinh	5-6, C210 RCder							04/01/2021	25/04/2021				2019
10	1070146				0	Khuất Duy Nhã							11-12, D	01/03/2021					2020
11	1070146				0	Nguyễn Thị Thu Hương		11-12, C210 Rcder						04/01/2021	25/04/2021				2019
12	1070146				0	Trần Quốc Thùy				5-6, C210 Key				04/01/2021	25/04/2021				2019
13	1070146				0	Trần Thị Bích Hồng						11-12, C210 Dbau		04/01/2021	25/04/2021				2019
14	1070146				0	Trần Thị Bích Hồng		5-6, C206						04/01/2021	25/04/2021				2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
14	1070146				0	Khuất Duy Nna		Drum						04/01/2021	25/04/2021				2019
15	1070146				0	Khuất Duy Nhã			11-12, C206 Drum					04/01/2021	25/04/2021				2019
16	1070146				0	Nguyễn Quang Tùng						11-12, C210 Guita		04/01/2021	25/04/2021				2019
17	1070146				0	Bùi Thị Diệu Minh						11-12, C210 Rcdcr		04/01/2021	25/04/2021				2019
18	1070146				0	Nguyễn Đức Linh							11-12, D	01/03/2021					2020
19	1070146				0	Nguyễn Thành Vinh		5-6, C210 RCder						04/01/2021	25/04/2021				2019
20	1070146				0	Nguyễn Thành Vinh							5-6, D	01/03/2021					2020
21	1070146				0	Bùi Thị Diệu Minh							11-12, D	01/03/2021					2020
22	1070146				0	Hà Tân Mùi							5-6, D	01/03/2021					2020
23	1070146				0	Nguyễn Thị Hương							5-6, D	01/03/2021					2020
24	1070146				0	Bùi Thị Diệu Minh							5-6, D	01/03/2021					2020
25	1070146				0	Đào Văn Thực							11-12, D	01/03/2021					2020
26	1070146				10	Nguyễn Quang Tùng							1-5, D108	01/03/2021		K12 LT			2020
27	1070146				10	Nguyễn Quang Tùng							7-11, D108	01/03/2021		K12 LT			2020
	1170033	Phần mềm Macromedia Flash	GRD2030	2	127												6 TKDH_M4_TC		
01	1170033				14	Nguyễn Thanh Huyền	1-5, E406		1-5, E406					08/03/2021	11/04/2021	K9 TKDH			2017
02	1170033				14	Tổng Việt Anh	1-5, E406		1-5, E406					08/03/2021	11/04/2021	K9 TKDH			2017
03	1170033				14	Nguyễn Xuân Giáp	1-5, E406		1-5, E406					08/03/2021	11/04/2021	K9 TKDH			2017
04	1170033				15	Lê Huy Thực	7-11, E406		7-11, E406					08/03/2021	11/04/2021	K9 TKDH			2017
05	1170033				14	Tổng Việt Anh	7-11, E406		7-11, E406					08/03/2021	11/04/2021	K9 TKDH			2017
06	1170033				14	Nguyễn Thanh Huyền	7-11, E406		7-11, E406					08/03/2021	11/04/2021	K9 TKDH			2017
07	1170033				14	Nguyễn Duy Hùng				1-5, E406		1-5, E406		08/03/2021	11/04/2021	K9 TKDH			2017
08	1170033				14	Nguyễn Đỗ Long				1-5, E406		1-5, E406		08/03/2021	11/04/2021	K9 TKDH			2017
09	1170033				14	Nguyễn Thanh Huyền				1-5, E406		1-5, E406		08/03/2021	11/04/2021	K9 TKDH			2017
	1070027	Phân tích tác phẩm 1	MUS2024	2	181												4*MUS2024		
01	1070027				41	Lại Hồng Phong	1-5, DNN							04/01/2021	28/03/2021	K14 SPAN 10T			2019
02	1070027				40	Phạm Thu Hường			1-5, DNN					04/01/2021	28/03/2021	K14 SPAN 10T			2019
03	1070027				40	Nguyễn Khải			7-11, D405					04/01/2021	28/03/2021	K14 SPAN 10T			2019
04	1070027				40	Trần Thị Thanh Hương				7-11, D405				04/01/2021	28/03/2021	K14 SPAN 10T			2019
05	1070027				20	Phạm Thu Hường							1-5, LR						2017
	1070043	Phân tích tác phẩm 3	MUS2026	2	160												6*MUS2026		
01	1070043				40	Nguyễn Khải	13-15, D							04/01/2021	14/03/2021	K13 SPAN 8T A			2018
02	1070043				40	Phạm Thu Hường	7-11, E305							04/01/2021	14/03/2021	K13 SPAN 8T B			2018
																K13			

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
03	1070043				40	Trần Thị Thanh Hương			1-5, D305					04/01/2021	14/03/2021	SPAN 8T C			2018
04	1070043				40	Lại Hồng Phong			7-11, D304					04/01/2021	14/03/2021	K13 SPAN 8T D			2018
	1080124	Phân tích tác phẩm văn học (Kịch - điện ảnh)	CLM2085	3	35														
01	1080124				15	Hà Thị Thu Hà		1-5, E505						04/01/2021		K4 DVK K2 LT DVK			2018
02	1080124				20	Hà Thị Thu Hà				7-11, E506				01/03/2021	20/06/2021	K2 LT			2020
	1130007	Pháp luật đại cương	POL2007	2	165												1* Chung DH&CD		
07	1130007				55	Nguyễn Thị Thanh Thủy					1-5, E507			01/03/2021	25/04/2021	8T			2020
08	1130007				55	Nguyễn Thị Thanh Thủy					7-11, E507			15/03/2021	09/05/2021	8T			2020
09	1130007				55	Lê Thị Nguyên				7-11, E502				01/03/2021	25/04/2021	8T			2020
	1080043	Phát triển văn hóa cộng đồng	CLM2044	2	45												6_QLVH_M4_TC		
01	1080043				45	Nông Thị Thanh Thuý				1-5, E306				04/01/2021	25/04/2021	K12 QLVH			2018
	1070073	Phương pháp dạy học âm nhạc 2	MUS2065	3	240												2018		
06	1070073				40	Mai Linh Chi		1-5, D1						04/01/2021	04/04/2021	K14 SPAN 11T			2019
07	1070073				40	Đoàn Thị Thu Hà			7-11, D1					04/01/2021	04/04/2021	K14 SPAN 11T			2019
08	1070073				40	Nguyễn Thị Tổ Mai				7-11, E306				04/01/2021	04/04/2021	K14 SPAN 11T			2019
09	1070073				40	Nguyễn Thị Lệ Huyền					7-11, D404			04/01/2021	04/04/2021	K14 SPAN 11T			2019
10	1070073				40	Nguyễn Đức Linh			1-5, D204					04/01/2021	04/04/2021	K14 SPAN 11T			2019
11	1070073				40	Đoàn Thị Thu Hà				1-5, D1				04/01/2021	04/04/2021	K14 SPAN 11T			2019
	1070039	Phương pháp dạy học âm nhạc 2	MUS2032	2	20												5*MUS2032		
01	1070039				20	Đoàn Thị Thu Hà							1-5, LR						2017
	1060108	Phương pháp dạy học Mỹ thuật 2	FAE2095	2	40												2019		
01	1060108				40	Trần Thị Vân			7-11, E506					04/01/2021	28/02/2021	K14 SPMT			2019
	1190028	Phương pháp dạy học Piano	PIA2017	2	30														
02	1190028				30	Nguyễn Ngọc Anh					7-11, D4			04/01/2021	28/02/2021				2019
	1140019	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	PPE2008	2	142												1* Dang dung		
07	1140019				51	Lương Thị Thanh Hải						1-5, E507		15/03/2021	06/06/2021	2019 ko cho 20 dk			2019
08	1140019				40	Lương Thị Thanh Hải						7-11, E507		04/01/2021	14/03/2021	2019			2019
11	1140019				51	Đỗ Ánh Tuyết			1-5, E507					04/01/2021	21/03/2021	2019			2019
	1100098	Phương pháp thể hiện ca khúc	VMU2023	3	1												2018		
01	1100098				1	Trần Mai Tuyết						4-6, E305		04/01/2021	28/02/2021	Hoc ghep			2017
	1100099	Phương pháp thể hiện ca khúc	VMU2024	2	60												2019		
01	1100099				40	Trần Mai Tuyết						1-3, E305		04/01/2021	28/02/2021	K7 TN 6T			2019
02	1100099				20	Trần Mai Tuyết						4-6, E305		04/01/2021	28/02/2021	K7 TN 6T			2019
	1100065	Piano 1.2	PIA2023	1													Dang dung		
02	1100065				0	Ngô Thị Việt Anh	9-10, D							01/03/2021	04/07/2021				2020

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
03	1100065				0	Ngô Thị Việt Anh					3-4, D			01/03/2021	04/07/2021				2020
04	1100065				0	Lương Diệu Ánh	3-4, D							01/03/2021	04/07/2021				2020
05	1100065				0	Lương Diệu Ánh					9-10, D			01/03/2021	04/07/2021				2020
06	1100065				0	Mai Linh Chi		3-4, D						01/03/2021	04/07/2021				2020
07	1100065				0	Trần Hoài Sơn	9-11, D							01/03/2021	04/07/2021				2020
08	1100065				0	Trần Hoài Sơn					3-4, D			01/03/2021	04/07/2021				2020
09	1100065				0	Vũ Thanh Xuân	9-10, D							01/03/2021	04/07/2021				2020
10	1100065				0	Hoàng Thị Trà Mi					3-4, D			01/03/2021	04/07/2021				2020
11	1100065				0	Hoàng Thị Trà Mi				9-10, D				01/03/2021	04/07/2021				2020
12	1100065				0	Dương Vũ Bình Minh	9-10, D							01/03/2021	04/07/2021				2020
13	1100065				0	Đoàn Anh Vũ			3-4, D					01/03/2021	04/07/2021				2020
14	1100065				0	Vũ Thùy Linh	9-10, D							01/03/2021	04/07/2021				2020
	1100085	Piano 2.1	PIA2024	1	1												Đang dùng		
15	1100085				1	Trần Hoài Sơn							1-1, LR			Lop riêng			2017
	1190001	Piano CN 1.1	PIA2003	2	4														
13	1190001				2	Trần Hà Mi	9-10, D			9-10, D				01/03/2021	04/07/2021				2020
14	1190001				2														2020
	1190002	Piano CN 1.2	PIA2003	2															
01	1190002				0	Đinh Công Hải	7-8, D		1-2, D					01/03/2021	04/07/2021				2020
02	1190002				0	Hà Cẩm Vân		7-8, D			1-2, D			01/03/2021	04/07/2021				2020
03	1190002				0	Lê Nam	1-2, D		7-8, D					01/03/2021	04/07/2021				2020
04	1190002				0	Lại Thị Phương Thảo	1-2, D		1-2, D					01/03/2021	04/07/2021				2020
05	1190002				0	Phạm Hoàng Lê	7-8, D			7-8, D				01/03/2021	04/07/2021				2020
06	1190002				0	Đoàn Lê Phan Anh			1-2, D				1-2, D	01/03/2021	04/07/2021				2020
07	1190002				0	Nguyễn Thị Hiền Anh	7-8, D						1-2, D	01/03/2021	04/07/2021				2020
08	1190002				0	Đỗ Thanh Nhân		1-2, D		1-2, D				01/03/2021	04/07/2021				2020
09	1190002				0	Trần Hà Mi	7-8, D			7-8, D				01/03/2021	04/07/2021				2020
10	1190002				0	Đinh Thu Hương	7-8, D		1-2, D					01/03/2021	04/07/2021				2020
11	1190002				0	Bùi Đăng Khánh	7-8, D		1-2, D					01/03/2021	04/07/2021				2020
12	1190002				0	Nguyễn Thị Hiền Anh	1-2, D		1-2, D					01/03/2021	04/07/2021				2020
	1190003	Piano CN 2.1	PIA2004	2	3														
04	1190003				1	Đinh Thu Hương	1-2, D		7-9, D					04/01/2021	25/04/2021				2019
15	1190003				1	Đinh Công Hải	1-2, D		7-9, D					04/01/2021	25/04/2021				2019
16	1190003				1	Phạm Hoàng Lê		1-2, D		1-2, D				04/01/2021	25/04/2021				2019
	1190004	Piano CN 2.2	PIA2004	2															
03	1190004				0	Phạm Hoàng Lê				1-2, D				04/01/2021	25/04/2021				2019
04	1190004				0	Đinh Công Hải	1-2, D		7-9, D					04/01/2021	25/04/2021				2019
05	1190004				0	Hà Cẩm Vân	1-2, D		7-9, D					04/01/2021	25/04/2021				2019
06	1190004				0	Nguyễn Ngọc Anh	1-2, D				1-2, D			04/01/2021	25/04/2021				2019
07	1190004				0	Đỗ Thanh Nhân		1-2, D		1-2, D				04/01/2021	25/04/2021				2019
08	1190004				0	Đinh Thu Hương	1-2, D		7-9, D					04/01/2021	25/04/2021				2019
09	1190004				0	Bùi Đăng Khánh	1-2, D		7-9, D					04/01/2021	25/04/2021				2019
10	1190004				0	Đoàn Lê Phan Anh		1-2, D					1-2, D	04/01/2021	25/04/2021				2019
11	1190004				0	Phạm Hoàng Lê		1-2, D			7-9, D			04/01/2021	25/04/2021				2019
12	1190004				0	Nguyễn Thị Hiền Anh		1-2, D			1-2, D			04/01/2021	25/04/2021				2019
13	1190004				0	Lại Thị Phương Thảo	1-2, D					1-2, D		04/01/2021	25/04/2021				2019
14	1190004				0	Phạm Hoàng Lê		1-2, D		1-2, D				04/01/2021	25/04/2021				2019
15	1190004				0	Đỗ Thanh Nhân		1-2, D		1-2, D				04/01/2021	25/04/2021				2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
	1190005	Piano CN 3.1	PIA2005	2	2														
07	1190005				1	Lê Nam	1-2, D		7-8, D					04/01/2021	25/04/2021				2018
12	1190005				1	Bùi Đăng Khánh	1-2, D		7-8, D					04/01/2021	25/04/2021				2018
	1190006	Piano CN 3.2	PIA2005	2	2														
04	1190006				0	Đinh Công Hải	1-2, D		7-8, D					04/01/2021	25/04/2021				2018
05	1190006				0	Nguyễn Ngọc Anh	1-2, D		1-2, D					04/01/2021	25/04/2021				2018
06	1190006				0	Lê Nam	1-2, D		7-8, D					04/01/2021	25/04/2021				2018
07	1190006				0	Lê Nam	1-2, D		7-8, D					04/01/2021	25/04/2021				2018
08	1190006				0	Hà Cẩm Vân		1-2, D			1-2, D			04/01/2021	25/04/2021				2018
09	1190006				0	Đinh Thu Hương	1-2, D		1-2, D					04/01/2021	25/04/2021				2018
10	1190006				0	Bùi Đăng Khánh	1-2, D		7-8, D					04/01/2021	25/04/2021				2018
11	1190006				0	Lại Thị Phương Thảo	1-2, D		1-2, D					04/01/2021	25/04/2021				2018
12	1190006				0	Trần Hà Mi		1-2, D		1-2, D				04/01/2021	25/04/2021				2018
13	1190006				0	Hà Cẩm Vân		1-2, D			1-2, D			04/01/2021	25/04/2021				2018
14	1190006				1	Lại Thị Phương Thảo	1-2, D				1-2, D			04/01/2021	25/04/2021				2018
15	1190006				1	Lại Thị Phương Thảo	7-8, D				1-2, D			04/01/2021	25/04/2021				2018
	1190007	Piano CN 4.1	PIA2006	2	1														
14	1190007				1	Đinh Công Hải							5-6, LR			Lop riêng			2017
	1190008	Piano CN 4.2	PIA2006	2	1														
01	1190008				0	Đinh Công Hải	1-2, D		7-8, D					04/01/2021	25/04/2021				2017
02	1190008				0	Lại Thị Phương Thảo	1-2, D		1-2, D					04/01/2021	25/04/2021				2017
03	1190008				0	Nguyễn Ngọc Anh	1-2, D		1-2, D					04/01/2021	25/04/2021				2017
04	1190008				0	Nguyễn Ngọc Anh	1-2, D		1-2, D					04/01/2021	25/04/2021				2017
05	1190008				0	Đỗ Thanh Nhân			1-2, D		1-2, D			04/01/2021	25/04/2021				2017
06	1190008				0	Hà Cẩm Vân	1-2, D		7-8, D					04/01/2021	25/04/2021				2017
07	1190008				0	Nguyễn Thị Hiền Anh		1-2, D			1-2, D			04/01/2021	25/04/2021				2017
08	1190008				0	Trần Hà Mi				1-2, D		1-2, D		04/01/2021	25/04/2021				2017
09	1190008				0	Trần Hà Mi		1-2, D		1-2, D				04/01/2021	25/04/2021				2017
10	1190008				0	Đoàn Lê Phan Anh		1-2, D			7-8, D			04/01/2021	25/04/2021				2017
11	1190008				0	Phạm Hoàng Lê		1-2, D			7-8, D			04/01/2021	25/04/2021				2017
12	1190008				0	Lê Nam	1-2, D		7-8, D					04/01/2021	25/04/2021				2017
13	1190008				0	Lê Hải Thuận				7-8, D		7-8, D		04/01/2021	25/04/2021				2017
14	1190008				1	Bùi Đăng Khánh							1-2, LR			Lop riêng			2017
	1080041	Quan hệ công chúng	CLM2042	2	45												7_QLVH_M4_TC		
01	1080041				45	Ng.Thị Thanh Mai	7-11, E503							04/01/2021	25/04/2021	K12 QLVH			2018
	1140021	Quản lý HCNN & Quản lý ngành GD&ĐT	PPE2003	2	200														
01	1140021				40	Phạm Thị Thu Hà		1-5, E506						04/01/2021	14/03/2021	2018			2018
02	1140021				40	Phạm Thị Thu Hà			1-5, E505					04/01/2021	14/03/2021	2018			2018
03	1140021				40	Lê Thị Nguyên	7-11, E507							04/01/2021	14/03/2021	2018			2018
04	1140021				40	Lê Thị Nguyên			7-11, E507					04/01/2021	14/03/2021	2018			2018
05	1140021				40	Lê Thị Nguyên					7-11, E507			04/01/2021	14/03/2021	2018			2018
	1080025	Quản lý hoạt động quảng cáo	CLM2022	2	70												4_QLVH_M4		
01	1080025				70	Nguyễn Thị Phương Thanh	1-5, E502							04/01/2021	25/04/2021	K13 QLVH			2019
	1080021	Quản lý thiết chế và các hoạt động VHNT 2	CLM2018	3	70												4_QLVH_M4		
01	1080021				70	Tráng Thị Thuý				1-5, E501				04/01/2021	25/04/2021	K13 QLVH			2019
	1080022	Quản trị dịch vụ văn hóa	CLM2019	2	45												6_QLVH_M4		

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
01	1080022				45	Tráng Thị Thuý			1-5, E501					04/01/2021	25/04/2021	K12 QLVH			2018
	1080119	Quy trình sản xuất film	CLM2081	2	30														
01	1080119				30	Nguyễn Tuấn Anh						1-5, E502		04/01/2021		K5 DVK			2019
	1060067	Sáng tác Mỹ thuật (HP tốt nghiệp)	FAE2020	6	30												FAE2020		
01	1060067				30								15-16, TN	24/05/2021		K12 SPMT 2017			2017
	1060110	Sáng tác Mỹ thuật (SPMT)	FAE2085	5	20												2019		
01	1060110				20								13-13, TN			K11 LTCQ			2019
	1020005	Sáng tác phụ trang	FAD2038	2	52														
01	1020005				13	Hoàng Thắng		1-5, E						04/01/2021	28/03/2021				2018
02	1020005				13	Nguyễn Hải Hà		1-5, E						04/01/2021	28/03/2021				2018
03	1020005				13	Bùi Thị Nam		1-5, E						04/01/2021	28/03/2021				2018
05	1020005				13	Trần Thanh Nga				1-5, E				04/01/2021	28/03/2021				2018
	1170006	Sáng tác thiết kế 2	GRD2024	3	188												2_TKDH_M4		
01	1170006				15	Nguyễn Quang Huy	7-8, E601		7-8, E601					08/03/2021	04/07/2021	K12 TKDH			2020
02	1170006				15	Nông Thị Thu Trang	7-8, E601		7-8, E601					08/03/2021	04/07/2021	K12 TKDH			2020
03	1170006				15	Nguyễn Mai Thơ	7-8, E601		7-8, E601					08/03/2021	04/07/2021	K12 TKDH			2020
04	1170006				15	Nông Thị Thu Trang				7-8, E601		7-8, E601		08/03/2021	04/07/2021	K12 TKDH			2020
05	1170006				15	Nguyễn Quang Huy				13-14, E601		13-14, E601		08/03/2021	04/07/2021	K12 TKDH			2020
06	1170006				15	Nguyễn Thị Hải Yến				7-8, E601		7-8, E601		08/03/2021	04/07/2021	K12 TKDH			2020
07	1170006				14	Nguyễn Quang Huy	9-10, E601		9-10, E601					01/03/2021	04/07/2021	K12 TKDH			2020
08	1170006				14	Phạm Minh Phong	9-10, E601		9-10, E601					01/03/2021	04/07/2021	K12 TKDH			2020
09	1170006				14	Nguyễn Mai Thơ	9-10, E601		9-10, E601					01/03/2021	04/07/2021	K12 TKDH			2020
10	1170006				14	Nguyễn Quang Huy				15-16, E601		15-16, E601		01/03/2021	04/07/2021	K12 TKDH			2020
11	1170006				14	Nông Thị Thu Trang				9-10, E601		9-10, E601		01/03/2021	04/07/2021	K12 TKDH			2020
12	1170006				14	Nguyễn Thị Hải Yến				9-10, E601		9-10, E601		01/03/2021	04/07/2021	K12 TKDH			2020
13	1170006				14	Quách Thị Ngọc An				9-10, E601		9-10, E601		01/03/2021	04/07/2021	K12 TKDH			2020
	1170029	Sáng tác thiết kế 4	GRD2026	3	140												4_TKDH_TH		
01	1170029				14	Nguyễn Đức Lân	1-2, E601		1-2, E601					04/01/2021	25/04/2021	K11 TKDH			2019
02	1170029				14	Nguyễn Mai Thơ	1-2, E601		1-2, E601					04/01/2021	25/04/2021	K11 TKDH			2019
03	1170029				14	Nông Thị Thu Trang	1-2, E601		1-2, E601					04/01/2021	25/04/2021	K11 TKDH			2019
04	1170029				14	Nguyễn Đức Lân				1-2, E601		1-2, E601		04/01/2021	25/04/2021	K11 TKDH			2019
06	1170029				14	Phạm Minh Phong				1-2, E601		1-2, E601		04/01/2021	25/04/2021	K11 TKDH			2019
07	1170029				14	Nguyễn Đức Lân	3-4, E601		3-4, E601					11/01/2021	25/04/2021	K11 TKDH			2019
08	1170029				14	Nguyễn Mai Thơ	3-4, E601		3-4, E601					11/01/2021	25/04/2021	K11 TKDH			2019
09	1170029				14	Phạm Minh Phong	3-4, E601		3-4, E601					11/01/2021	25/04/2021	K11 TKDH			2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
10	1170029				14	Nông Thị Thu Trang				3-4, E601		3-4, E601		11/01/2021	25/04/2021	K11 TKDH			2019
11	1170029				14					3-4, E601		3-4, E601		11/01/2021	25/04/2021	Huy			2019
	1170051	Sáng tác thiết kế 6	GRD2046	3	117														
01	1170051				13	Phạm Phương Linh	7-8, E602		7-8, E602					04/01/2021	28/03/2021	K10 TKDH			2018
02	1170051				13	Nguyễn Đức Lân	7-8, E602		7-8, E602					04/01/2021	28/03/2021	K10 TKDH			2018
03	1170051				13	Vũ Minh Hoàng	7-8, E602		7-8, E602					04/01/2021	28/03/2021	K10 TKDH			2018
05	1170051				13	Nguyễn Văn Hiến				9-10, E602		9-10, E602		11/01/2021	28/03/2021	K10 TKDH			2018
06	1170051				13	Vũ Minh Hoàng	9-10, E602		9-10, E602					11/01/2021	28/03/2021	K10 TKDH			2018
07	1170051				13	Ng.Hoài Phương Anh	9-10, E602		9-10, E602					11/01/2021	28/03/2021	K10 TKDH			2018
08	1170051				13	Phạm Phương Linh	9-10, E602		9-10, E602					11/01/2021	28/03/2021	K10 TKDH			2018
09	1170051				13	Lò Mai Trang				9-10, E602		9-10, E602		11/01/2021	28/03/2021	K10 TKDH			2018
10	1170051				13	Nguyễn Văn Hiến				9-10, E602		9-10, E602		11/01/2021	28/03/2021	K10 TKDH			2018
	1170031	Sáng tác thiết kế 6	GRD2028	4	11												8_TKDH_M4		
01	1170031				1	Phạm Phương Linh	7-8, E602		7-8, E602					04/01/2021	28/03/2021	Lop ghep			2016
02	1170031				5	Nguyễn Đức Lân	7-8, E602		7-8, E602					04/01/2021	28/03/2021	Lop ghep			2016
03	1170031				5	Vũ Minh Hoàng	7-8, E602		7-8, E602					04/01/2021	28/03/2021	Lop ghep			2016
	1140023	Tâm bệnh học	PPE2015	2	10												2*		
01	1140023				10	Nguyễn Quỳnh Trang			7-11, E101					04/01/2021	14/03/2021	K5 MN AN Trung KNGT			2018
	1140009	Tâm lý học đại cương	PPE2007	2	70												1* 3_TAMLY_TK TT		
03	1140009				70	Lương Thị Thanh Hải						7-11, E507		15/03/2021	06/06/2021	K1 DL			2020
	1140006	Tâm lý học Nghệ thuật	PPE2004	2	1												2* Tam_ly giao duc		
01	1140006				1	Nguyễn Quỳnh Trang							1-5, LR						2017
	1080222	Tâm lý học phát triển và xã hội	CLM2202	2	30												CTXH		
01	1080222				30	Phạm Thanh Bình	1-5, E503							01/03/2021	20/06/2021	K1 CTXH 12T			2020
	1020028	Tạo mẫu trang phục 1	FAD2024	3	52														
01	1020028				13	Hoàng Thị Oanh	7-11, E							01/03/2021	04/07/2021				2020
02	1020028				13	Ng.Thị Bích Liên	7-11, E							01/03/2021	04/07/2021				2020
03	1020028				13	Ng.Thị Minh Ngọc				7-11, E				01/03/2021	04/07/2021				2020
04	1020028				13	Trần Việt Hùng				7-11, E				01/03/2021	04/07/2021				2020
	1020030	Tạo mẫu trang phục 3	FAD2026	3	39														
06	1020030				13	Lê Nguyễn Kiều Trang	1-5, E							04/01/2021	25/04/2021				2019
07	1020030				13	Ng.Thị Minh Ngọc	1-5, E							04/01/2021	25/04/2021				2019
08	1020030				13	Trần Việt Hùng	1-5, E							04/01/2021	25/04/2021				2019
	1020006	Tạo mẫu trang phục 4	FAD2027	3	65														
01	1020006				13	Ng.Thị Bích Liên		7-11, E						04/01/2021	25/04/2021				2018
02	1020006				13	Lê Nguyễn Kiều Trang				1-5, E				04/01/2021	25/04/2021				2018
03	1020006				13	Hoàng Thị Oanh		7-11, E						04/01/2021	25/04/2021				2018
04	1020006				13	Lê Phương Anh				1-5, E				04/01/2021	25/04/2021				2018
05	1020006				13	Trần Việt Hùng				1-5, E				04/01/2021	25/04/2021				2018
	1200012	Tạo mẫu trang phục cơ bản	DGI2012	2	6														

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
01	1200012				6	Lê Nguyễn Kiều Trang							1-5, E	01/03/2021	06/06/2021	K4 CNM			2020
	1200049	Tạo mẫu trang phục nâng cao	DGI2048	3	12														
01	1200049				12	Lê Nguyễn Kiều Trang			1-5, E					04/01/2021	25/04/2021				2019
	1200013	Tạo mẫu trang phục nâng cao	DGI2013	2	2												tmtpnc		
01	1200013				2	Lê Nguyễn Kiều Trang			1-5, ghép										2018
	1100005	Thanh nhạc 1	*VMU2002	1													SPAN		
01	1100005				0	Vũ Thanh Thủy	7-8, D							01/03/2021	04/07/2021				2020
02	1100005				0	Nguyễn Thúy Hà	7-8, D							01/03/2021	04/07/2021				2020
03	1100005				0	Hà Thị Lý	7-8, D							01/03/2021	04/07/2021				2020
04	1100005				0	Bùi Thanh Tuyền	7-8, D							01/03/2021	04/07/2021				2020
05	1100005				0	Phạm Bích Ngọc	7-8, D							01/03/2021	04/07/2021				2020
06	1100005				0	Vũ Thị Tươi	7-8, D							01/03/2021	04/07/2021				2020
07	1100005				0	Trần Thị Thảo			1-2, D					01/03/2021	04/07/2021				2020
08	1100005				0	Nguyễn Thị Huyền			1-2, D					01/03/2021	04/07/2021				2020
09	1100005				0	Bùi Thanh Tuyền			1-2, D					01/03/2021	04/07/2021				2020
10	1100005				0	Nguyễn Thanh Duyên			1-2, D					01/03/2021	04/07/2021				2020
11	1100005				0	Đào Tiến Lợi			1-2, D					01/03/2021	04/07/2021				2020
12	1100005				0	Trần Thị Thảo				7-8, D				01/03/2021	04/07/2021				2020
13	1100005				0	Đào Thị Khánh Chi				7-8, D				01/03/2021	04/07/2021				2020
14	1100005				0	Ngân Thị Thương				7-8, D				01/03/2021	04/07/2021				2020
15	1100005				0	Ngô Quốc Khánh				7-8, D				01/03/2021	04/07/2021				2020
16	1100005				0	Nguyễn Chí Công				7-8, D				01/03/2021	04/07/2021				2020
17	1100005				0	Đàm Minh Hưng				7-8, D				01/03/2021	04/07/2021				2020
18	1100005				0	Phạm Thị Thu Trang				7-8, D				01/03/2021	04/07/2021				2020
19	1100005				0	Nguyễn Thúy Hà				7-8, D				01/03/2021	04/07/2021				2020
20	1100005				0	Hà Thị Lý				7-8, D				01/03/2021	04/07/2021				2020
21	1100005				0	Nguyễn Thanh Duyên				7-8, D				01/03/2021	04/07/2021				2020
22	1100005				0	Phạm Bích Ngọc				7-8, D				01/03/2021	04/07/2021				2020
23	1100005				0	Vũ Thị Tươi				7-8, D				01/03/2021	04/07/2021				2020
24	1100005				0	Nguyễn Thu Hằng				7-8, D				01/03/2021	04/07/2021				2020
25	1100005				0	Nguyễn Chí Công					1-2, D			01/03/2021	04/07/2021				2020
26	1100005				0	Đào Tiến Lợi					1-2, D			01/03/2021	04/07/2021				2020
27	1100005				0	Phạm Thị Thu Trang					1-2, D			01/03/2021	04/07/2021				2020
28	1100005				0	Nguyễn Thị Huyền					1-2, D			01/03/2021	04/07/2021				2020
29	1100005				0	Đặng Thị Lan	7-8, D							01/03/2021	04/07/2021				2020
30	1100005				0	Vũ Thanh Thủy				7-8, D				01/03/2021	04/07/2021				2020
31	1100005				0	Nguyễn Thị Huyền				7-8, D				01/03/2021	04/07/2021				2020
32	1100005				0	Trần Thị Thảo							7-8, NC	01/03/2021	04/07/2021				2020
	1100063	Thanh nhạc 1.2	VMU2004	1	1												2_ Thanh nhạc		
02	1100063				0	Đỗ Hương Giang	7-8, D				1-2, D			01/03/2021	04/07/2021				2020
03	1100063				0	Trịnh Thị Oanh	7-8, D		7-8, D					01/03/2021	04/07/2021				2020
04	1100063				0	Giáp Văn Thịnh				7-8, D		7-8, D		01/03/2021	04/07/2021				2020
05	1100063				0	Trần Thị Thanh Quý			1-2, D		1-2, D			01/03/2021	04/07/2021				2020
06	1100063				0	Nguyễn Mai Hương	7-8, D				1-2, D			01/03/2021	04/07/2021				2020
07	1100063				0	Viên Thị Hường			1-2, D		1-2, D			01/03/2021	04/07/2021				2020
08	1100063				0	Lê Minh Tuyền	7-8, D		1-2, D					01/03/2021	04/07/2021				2020
09	1100063				0	Nguyễn Thị Nga	7-8, D				7-8, D			01/03/2021	04/07/2021				2020
10	1100063				0	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	7-8, D		1-2, D					01/03/2021	04/07/2021				2020

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
11	1100063				0	Lê Thị Út			1-2, D		1-2, D			01/03/2021	04/07/2021				2020
12	1100063				0	Lê Thị Tình	1-2, D		7-8, D					01/03/2021	04/07/2021				2020
13	1100063				0	Lê Thị Tình	7-8, D		1-2, D					01/03/2021	04/07/2021				2020
14	1100063				0	Đặng Thị Loan	7-8, D		1-2, D					01/03/2021	04/07/2021				2020
15	1100063				0	Chu Thị Hoài Phương	7-8, D		1-2, D					01/03/2021	04/07/2021				2020
16	1100063				0	Đàm Minh Hưng			7-8, D		7-8, D			01/03/2021	04/07/2021				2020
17	1100063				0	Ngô Quốc Khánh	7-8, D		1-2, D					01/03/2021	04/07/2021				2020
18	1100063				0	Hoàng Quốc Tuấn	1-2, D			1-2, D				01/03/2021	04/07/2021				2020
19	1100063				0	Đỗ Hương Giang			1-2, D		1-2, D			01/03/2021	04/07/2021				2020
20	1100063				0	Nguyễn Chí Công	7-8, D			1-2, D				01/03/2021	04/07/2021	chuyen buoi			2020
21	1100063				1	Vũ Thanh Thủy			7-8, D		1-2, D			01/03/2021	04/07/2021				2020
	1100068	Thanh nhạc 2	*VMU2003	1													4_SPAN		
01	1100068				0	Nguyễn Thúy Hà	1-5, D							04/01/2021	25/04/2021				2019
02	1100068				0	Vũ Thị Tươi	1-2, D							04/01/2021	25/04/2021				2019
03	1100068				0	Hà Thị Lý	1-2, D							04/01/2021	25/04/2021				2019
04	1100068				0	Nguyễn Thu Hằng	1-2, D							04/01/2021	25/04/2021				2019
05	1100068				0	Phạm Bích Ngọc	1-2, D							04/01/2021	25/04/2021				2019
06	1100068				0	Vũ Thanh Thủy	1-2, D							04/01/2021	25/04/2021				2019
07	1100068				0	Bùi Thanh Tuyền	1-2, D							04/01/2021	25/04/2021				2019
08	1100068				0	Nguyễn Thu Hằng		1-2, D						04/01/2021	25/04/2021				2019
09	1100068				0	Đào Thị Khánh Chi		1-2, D						04/01/2021	25/04/2021				2019
10	1100068				0	Nguyễn Chí Công		1-2, D						04/01/2021	25/04/2021				2019
11	1100068				0	Trần Thị Thảo		1-2, D						04/01/2021	25/04/2021				2019
12	1100068				0	Đào Tiến Lợi		1-2, D						04/01/2021	25/04/2021				2019
13	1100068				0	Ngân Thị Thương		1-2, D						04/01/2021	25/04/2021				2019
14	1100068				0	Vũ Thị Tươi		1-2, D						04/01/2021	25/04/2021				2019
15	1100068				0	Phạm Thị Thu Trang		1-2, D						04/01/2021	25/04/2021				2019
16	1100068				0	Nguyễn Thanh Duyên		1-2, D						04/01/2021	25/04/2021				2019
17	1100068				0	Đào Thị Khánh Chi				1-2, D				04/01/2021	25/04/2021				2019
18	1100068				0	Trần Thị Thảo							1-2, NC	04/01/2021	25/04/2021				2019
	1100040	Thanh nhạc 2.1	VMU2005	1	2												DH TN		
20	1100040				2	Đặng Thị Loan			7-8, D		7-8, D			04/01/2021	25/04/2021	BS			2018
	1100041	Thanh nhạc 2.2	VMU2005	1	1												8_TN_M4		
01	1100041				0	Trần Mai Tuyết	1-2, D		7-8, D					04/01/2021	25/04/2021				2019
02	1100041				0	Đỗ Hương Giang	1-2, D		7-8, D					04/01/2021	25/04/2021				2019
03	1100041				0	Đặng Thị Loan			7-8, D		7-8, D			04/01/2021	25/04/2021				2019
04	1100041				0	Viên Thị Hường		1-5, D		1-5, D				04/01/2021	25/04/2021				2019
05	1100041				0	Giáp Văn Thịnh		1-2, D				1-2, D		04/01/2021	25/04/2021				2019
06	1100041				0	Chu Thị Hoài Phương	1-2, D		7-8, D					04/01/2021	25/04/2021				2019
07	1100041				0	Nguyễn Chí Công	7-8, D			1-2, D				04/01/2021	25/04/2021	chuyen buoi			2019
08	1100041				0	Lê Thị Tình	1-2, D		7-8, D					04/01/2021	25/04/2021				2019
09	1100041				0	Lê Thị Út			1-2, D		1-2, D			04/01/2021	25/04/2021				2019
10	1100041				0	Lê Minh Tuyền	1-2, D		7-8, D					04/01/2021	25/04/2021				2019
11	1100041				0	Nguyễn Mai Hương	1-2, D				7-8, D			04/01/2021	25/04/2021				2019
12	1100041				0	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	7-8, D		6-6, D					04/01/2021	25/04/2021				2019
13	1100041				0	Trịnh Thị Oanh		1-2, D			7-8, D			04/01/2021	25/04/2021				2019
14	1100041				0	Trần Thị Thanh Quý			7-8, D		7-8, D			04/01/2021	25/04/2021				2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
15	1100041				0	Nguyễn Thị Nga	7-8, D				7-8, D			04/01/2021	25/04/2021				2019
16	1100041				0	Đào Tiến Lợi		1-2, D			1-2, D			04/01/2021	25/04/2021				2019
17	1100041				0	Trần Mai Tuyết		1-2, D			7-8, D			04/01/2021	25/04/2021				2019
18	1100041				0	Ngô Quốc Khánh			1-2, D		1-2, D			04/01/2021	25/04/2021				2019
19	1100041				0	Đàm Minh Hưng			7-8, D		7-8, D			04/01/2021	25/04/2021				2019
20	1100041				0	Đàm Minh Hưng			12-12, D		7-8, D			04/01/2021	25/04/2021				2019
21	1100041				1	Nguyễn Chí Công	7-8, D			6-6, D				04/01/2021	25/04/2021				2019
	1100009	Thanh nhạc 3	*VMU2018	1													SPAN		
01	1100009				0	Đào Tiến Lợi		7-8, D						04/01/2021	25/04/2021				2018
02	1100009				0	Nguyễn Chí Công		7-8, D						04/01/2021	25/04/2021				2018
03	1100009				0	Phạm Thị Thu Trang		7-8, D						04/01/2021	25/04/2021				2018
04	1100009				0	Nguyễn Thị Huyền		1-2, D						04/01/2021	25/04/2021				2018
05	1100009				0	Bùi Thanh Tuyền		1-2, D						04/01/2021	25/04/2021				2018
06	1100009				0	Ngô Quốc Khánh		1-2, D						04/01/2021	25/04/2021				2018
07	1100009				0	Trần Thị Thảo				1-2, D				04/01/2021	25/04/2021				2018
08	1100009				0	Đào Thị Khánh Chi				1-2, D				04/01/2021	25/04/2021				2018
09	1100009				0	Nguyễn Thúy Hà				1-2, D				04/01/2021	25/04/2021				2018
10	1100009				0	Đặng Thị Lan				1-2, D				04/01/2021	25/04/2021				2018
11	1100009				0	Vũ Thanh Thủy		1-2, D						04/01/2021	25/04/2021				2018
12	1100009				0	Ngô Quốc Khánh		7-8, D						04/01/2021	25/04/2021				2018
13	1100009				0	Ngân Thị Thương		7-8, D						04/01/2021	25/04/2021				2018
14	1100009				0	Hà Thị Lý				1-2, D				04/01/2021	25/04/2021				2018
15	1100009				0	Trần Thị Thảo				1-2, D				04/01/2021	25/04/2021				2018
16	1100009				0	Phạm Bích Ngọc		7-8, D						04/01/2021	25/04/2021				2018
17	1100009				0	Trần Thị Thảo							7-8, NC	04/01/2021	25/04/2021				2018
18	1100009				0									01/03/2021	06/06/2021				2020
19	1100009				0									01/03/2021	06/06/2021				2020
20	1100009				0									01/03/2021	06/06/2021				2020
21	1100009				0	Hà Thị Lý							1-2, D	01/03/2021	06/06/2021				2020
22	1100009				0	Hoàng Quốc Tuấn							7-8, D	01/03/2021	06/06/2021				2020
23	1100009				0	Ngân Thị Thương							7-8, D	01/03/2021	06/06/2021				2020
24	1100009				0	Vũ Thị Tươi							1-2, D	01/03/2021	06/06/2021				2020
25	1100009				0	Bùi Thanh Tuyền							7-8, D	01/03/2021	06/06/2021				2020
	1100056	Thanh nhạc 3.2	VMU2006	1													TN		
02	1100056				0	Trần Mai Tuyết	1-2, D		7-8, D					04/01/2021	25/04/2021				2018
03	1100056				0	Đỗ Hương Giang	7-8, D		1-2, D					04/01/2021	25/04/2021				2018
04	1100056				0	Đặng Thị Loan		7-8, D		1-2, D				04/01/2021	25/04/2021				2018
05	1100056				0	Chu Thị Hoài Phương	1-2, D		7-8, D					04/01/2021	25/04/2021				2018
06	1100056				0	Lê Thị Út			1-2, D		1-2, D			04/01/2021	25/04/2021				2018
07	1100056				0	Lê Minh Tuyền	7-8, D		1-2, D					04/01/2021	25/04/2021				2018
08	1100056				0	Lê Minh Tuyền	7-8, D			7-8, D				04/01/2021	25/04/2021				2018
09	1100056				0	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	1-2, D		7-8, D					04/01/2021	25/04/2021				2018
10	1100056				0	Trịnh Thị Oanh	7-8, D		7-8, D					04/01/2021	25/04/2021				2018
11	1100056				0	Trần Thị Thanh Quý			1-2, D		1-2, D			04/01/2021	25/04/2021				2018
12	1100056				0	Vũ Thanh Thủy			7-8, D		1-2, D			04/01/2021	25/04/2021				2018
13	1100056				0	Nguyễn Thị Nga				1-2, D	1-2, D			04/01/2021	25/04/2021				2018
14	1100056				0	Nguyễn Chí Công	7-8, D			1-2, D				04/01/2021	25/04/2021	chuyen buoi			2018
15	1100056				0	Trần Mai Tuyết		1-2, D			7-8, D			04/01/2021	25/04/2021				2018

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
17	1100056				0	Giáp Văn Thịnh		1-2, D				1-2, D		04/01/2021	25/04/2021				2018
18	1100056				0	Bùi Thanh Tuyền	1-2, D		1-2, D					04/01/2021	25/04/2021				2018
19	1100056				0	Viên Thị Hường		1-2, D		1-2, D				04/01/2021	25/04/2021				2018
20	1100056				0	Hà Thị Lý	7-8, D		1-2, D					04/01/2021	25/04/2021				2018
21	1100056				0	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	6-6, D		7-8, D					04/01/2021	25/04/2021				2018
22	1100056				0	Hoàng Quốc Tuấn	6-6, D			6-6, D				04/01/2021	25/04/2021				2018
23	1100056				0	Đặng Thị Loan	7-8, D		7-8, D					04/01/2021	25/04/2021				2018
	1100010	Thanh nhạc 4	VMU2019	1	1												SPAN		
16	1100010				1	Trần Thị Thảo						1-1, LR				Lop riêng			2017
	1100089	Thanh nhạc 4.2	VMU2007	1													TN		
01	1100089				0	Đàm Minh Hưng			7-8, D		7-8, D			04/01/2021	25/04/2021				2017
02	1100089				0	Đặng Thị Loan		7-8, D		1-2, D				04/01/2021	25/04/2021				2017
03	1100089				0	Viên Thị Hường		1-2, D		1-2, D				04/01/2021	25/04/2021				2017
04	1100089				0	Giáp Văn Thịnh				7-8, D		7-8, D		04/01/2021	25/04/2021				2017
05	1100089				0	Lê Thị Tình	1-2, D		7-8, D					04/01/2021	25/04/2021				2017
06	1100089				0	Lê Minh Tuyền	7-8, D		1-2, D					04/01/2021	25/04/2021				2017
07	1100089				0	Đỗ Hương Giang	1-2, D		7-8, D					04/01/2021	25/04/2021				2017
08	1100089				0	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	1-2, D		7-8, D					04/01/2021	25/04/2021				2017
09	1100089				0	Trần Thị Thanh Quý			1-2, D		1-2, D			04/01/2021	25/04/2021				2017
10	1100089				0	Trần Mai Tuyết	1-2, D		7-8, D					04/01/2021	25/04/2021				2017
11	1100089				0	Vũ Thanh Thủy			7-8, D		1-2, D			04/01/2021	25/04/2021				2017
12	1100089				0	Hoàng Quốc Tuấn	1-2, D			1-2, D				04/01/2021	25/04/2021				2017
13	1100089				0	Nguyễn Thị Nga				1-2, D	1-2, D			04/01/2021	25/04/2021				2017
14	1100089				0	Trịnh Thị Oanh	1-2, D		1-2, D					04/01/2021	25/04/2021				2017
	1200016	Thiết bị may	DGI2016	2	6														
01	1200016				6	Trần Việt Hùng					7-11, E			07/06/2021	25/07/2021	K4 CNM			2020
	1170035	Thiết kế bộ ấn phẩm văn hóa và xuất bản phẩm	GRD2032	2	135												5_TKDH_M4_TC		
01	1170035				15	Phạm Hùng Cường	1-5, E602		1-5, E602					04/01/2021	07/03/2021	K9 TKDH			2017
02	1170035				15	Nguyễn Quang Huy	1-5, E602		1-5, E602					04/01/2021	07/03/2021	K9 TKDH			2017
03	1170035				15	Vũ Minh Hoàng	1-5, E602		1-5, E602					04/01/2021	07/03/2021	K9 TKDH			2017
04	1170035				15	Phạm Phương Linh				1-5, E605		1-5, E605		04/01/2021	07/03/2021	K9 TKDH			2017
05	1170035				15	Nguyễn Thị Hải Yến				1-5, E605		1-5, E605		04/01/2021	07/03/2021	K9 TKDH			2017
06	1170035				15	Ng.Hoài Phương Anh				1-5, E605		1-5, E605		04/01/2021	07/03/2021	K9 TKDH			2017
07	1170035				15	Lò Mai Trang	7-11, E603		7-11, E603					04/01/2021	07/03/2021	K9 TKDH			2017
08	1170035				15	Nguyễn Văn Hiến	7-11, E603		7-11, E603					04/01/2021	07/03/2021	K9 TKDH			2017
09	1170035				15	Nguyễn Thị Hải Yến	7-11, E603		7-11, E603					04/01/2021	07/03/2021	K9 TKDH			2017
	1170037	Thiết kế quảng cáo lĩnh vực Văn hóa	GRD2034	2	126												Thiết kế quảng cáo sự kiện 1 Văn hóa		
01	1170037				14	Nguyễn Quang Huy	1-5, E602		1-5, E602					22/03/2021	25/04/2021	K9 TKDH			2017
02	1170037				14	Vũ Minh Hoàng	1-5, E602		1-5, E602					22/03/2021	25/04/2021	K9 TKDH			2017
03	1170037				14	Nguyễn Thị Hải Yến	1-5, E602		1-5, E602					22/03/2021	25/04/2021	K9 TKDH			2017

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
04	1170037				14	Phạm Phương Linh				1-5, E605		1-5, E605		22/03/2021	25/04/2021	K9 TKDH			2017
05	1170037				14	Nguyễn Văn Hiến				1-5, E605		1-5, E605		22/03/2021	25/04/2021	K9 TKDH			2017
06	1170037				14	Ng.Hoài Phương Anh				1-5, E605		1-5, E605		22/03/2021	25/04/2021	K9 TKDH			2017
07	1170037				14	Lò Mai Trang	7-11, E603		7-11, E603					22/03/2021	25/04/2021	K9 TKDH			2017
08	1170037				14	Nguyễn Đức Lân	13-17, E603		13-17, E603					22/03/2021	25/04/2021	K9 TKDH			2017
09	1170037				14	Nguyễn Văn Hiến	7-11, E603		7-11, E603					22/03/2021	25/04/2021	K9 TKDH			2017
	1170052	Thiết kế sân khấu	GRD2044	2	15														
01	1170052				15	Nguyễn Văn Hiến					1-5, E506			04/01/2021	17/01/2021	K4 DVK 8T			2018
	1020012	Thiết kế trên Manocanh	FAD2018	2	65														
05	1020012				13	Nguyễn Huyền Trang			7-11, E					29/03/2021	23/05/2021				2018
06	1020012				13									29/03/2021	23/05/2021				2018
07	1020012				13	Vũ Mai Hiền				7-11, E				29/03/2021	23/05/2021				2018
08	1020012				13	Lưu Ngọc Lan			7-11, E					29/03/2021	23/05/2021				2018
09	1020012				13	Ngô Thị Thủy Thu				7-11, E				29/03/2021	23/05/2021				2018
	1070127	Thực hành Âm nhạc mầm non (HP tốt nghiệp)	MUS2052	5	10														
01	1070127				10								15-16, HPTN			K4 SPANMN 2017			2017
	1090133	Thực hành Âm nhạc tổng hợp		4	35												2018		
06	1090133				14													TC-A N-Ca o bang	2019
07	1090133				21													C_A N-Ca o bang	2019
	1070099	Thực hành Âm nhạc tổng hợp (HP tốt nghiệp)	MUS2050	5	150														
01	1070099				150								15-16, HPTN			K12 SPAN 2017			2017
	1020022	Thực hành công nghệ may 1	FAD2011	3	52														
01	1020022				13	Vũ Mai Hiền		7-11, E						12/04/2021	11/07/2021				2020
02	1020022				13	Ngô Thị Thủy Thu		7-11, E						12/04/2021	11/07/2021				2020
03	1020022				13	Ngô Thị Thủy Thu					1-5, E			12/04/2021	11/07/2021				2020
04	1020022				13	Nguyễn Bích Nhung					1-5, E			12/04/2021	11/07/2021				2020
	1200024	Thực hành công nghệ may 3	DGI2024	3	12														
01	1200024				12	Nguyễn Bích Nhung				1-5, E				04/01/2021	25/04/2021				2019
	1200048	Thực hành sản xuất	DGI2049	2	12														
01	1200048				12	Ngô Thị Thủy Thu							1-5, Nhà máy	31/05/2021					2019
	1200043	Thực hành sản xuất 2	DGI2043	2	10														
01	1200043				10	Ngô Thị Thủy Thu							1-5, Nhà máy	31/05/2021					2018
	1200029	Thực hành thiết kế kỹ thuật trang phục 2	DGI2029	2	12														
01	1200029				12	Nguyễn Bích Nhung		7-11, E						04/01/2021	14/03/2021				2019
	1080047	Thực tập giữa khóa	CLM2048	3	45												6_QLVH_M5		
01	1080047				45	Vũ Thị Thái Hoa							1-5, TTGK	24/05/2021	20/06/2021	K12 QLVH			2018
	1190031	Thực tập nghề nghiệp 1	PIA2021	4	30														

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
01	1190031				30	Lại Thị Phương Thảo							1-5, TTNN1	01/07/2021					2018
	1100054	Thực tập nghề nghiệp 1	VMU2014	6	50												6_TN_M5		
01	1100054				50	Đỗ Hương Giang							13-14, TTNN1	31/05/2021	06/06/2021	K6 TN			2018
	1060074	Thực tập sư phạm 1	FAE2021	2	40												5*FAE2021		
01	1060074				40	Hoàng Thị Dung							13-14, TTSP	15/03/2021	04/04/2021	K14 SPMT			2019
	1070121	Thực tập sư phạm 1	MUS2046	2	250												ĐH SP		
01	1070121				250	Hoàng Thị Dung							13-14, TTSP1	15/03/2021	04/04/2021	K14 SPAN 3T			2019
	1060078	Thực tập sư phạm 2	FAE2022	4	92												6*ĐH		
03	1060078				10	Hoàng Thị Dung												K1 LT TC-DH SPM T	2019
04	1060078				82	Hoàng Thị Dung												K11 LT	2019
	1070122	Thực tập sư phạm 2	MUS2047	4	10												ĐH SP		
06	1070122				10	Hoàng Thị Dung													2017
	1060089	Thực tập sư phạm 2	FAE2034	3	2												SP MT MN		
01	1060089				2	Hoàng Thị Dung							13-14, TTSP						2017
	1080048	Thực tập tốt nghiệp	CLM2049	3	45												8_QLVH_M5		
01	1080048				45	Tráng Thị Thuý							1-5, TTTN	22/02/2021	04/04/2021	K11 QLVH			2017
	1170043	Thực tế chuyên môn 2	GRD2038	2	120												6_TKDH_M5		
01	1170043				40	Nguyễn Đức Lân							1-5, TTCM	10/05/2021	06/06/2021	K10 TKDH			2018
02	1170043				40	Nguyễn Hữu Dũng							1-5, TTCM	10/05/2021	06/06/2021	K10 TKDH			2018
03	1170043				40	Nguyễn Quang Huy							1-5, TTCM	10/05/2021	06/06/2021	K10 TKDH			2018
	1170044	Thực tế chuyên môn 3	GRD2039	3	135												8_TKDH_M5		
01	1170044				45	Nguyễn Đức Lân							7-11, TTCM	10/05/2021	06/06/2021	K9 TKDH			2017
02	1170044				45	Nguyễn Hữu Dũng							7-11, TTCM	10/05/2021	06/06/2021	K9 TKDH			2017
03	1170044				45	Nguyễn Quang Huy							7-11, TTCM	10/05/2021	06/06/2021	K9 TKDH			2017
	1060065	Thực tế chuyên môn 3	FAE2013	2	40												FAE2013		
02	1060065				40	Lê Thị Kim Liên							1-5, TTCM	24/05/2021	20/06/2021	K13 SPMT			2018
	1060050	Thực tế CM 1	FAE2040	3	10												FAE2040		
01	1060050				10	Lê Thị Kim Liên							1-5, TTCM1						2020
	1060060	Thực tế CM 2	FAE2042	3	10												FAE2041		
01	1060060				10	Lê Thị Kim Liên							13-14, TTSP	17/05/2021	13/06/2021	K6 HH			2019
	1060061	Thực tế CM 3	FAE2043	3	3												FAE2042		
01	1060061				3	Lê Thị Kim Liên							1-5, TTCM	17/05/2021	12/06/2021	K5 HH			2018
	1060062	Thực tế CM 4	FAE2044	3	10												FAE2043		
01	1060062				10	Lê Thị Kim Liên							1-5, TTCN	17/05/2021	13/06/2021	K4 HH 2017			2017
	1040003	Tiếng Anh 2	CFL2002	3	761												2* A2 chung		
01	1040003				40	Nguyễn Thị Ân	7-11, E403							01/03/2021	06/06/2021				2020
02	1040003				40	Nguyễn Thị Ân				7-11, E403				01/03/2021	06/06/2021				2020
03	1040003				40	Phạm Thị Ngọc Bích	1-5, E405							01/03/2021	06/06/2021				2020
04	1040003				40	Phạm Thị Ngọc Bích				1-5, E403				01/03/2021	06/06/2021				2020

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
05	1040003				40	Nguyễn Thanh Dung		1-5, E405						01/03/2021	06/06/2021				2020
06	1040003				40	Nguyễn Thanh Dung			1-5, E405					01/03/2021	06/06/2021				2020
07	1040003				40	Trình Thị Hà	7-11, E405							01/03/2021	06/06/2021				2020
08	1040003				40	Trình Thị Hà				7-11, E405				01/03/2021	06/06/2021				2020
09	1040003				40	Hoàng Thị Thu Hằng	1-5, E403							01/03/2021	06/06/2021				2020
10	1040003				40	Hoàng Thị Thu Hằng				1-5, E305				01/03/2021	06/06/2021				2020
11	1040003				40	Lê Thị Hiền		7-11, E405						01/03/2021	06/06/2021				2020
12	1040003				40	Ngô Thị Hòa		7-11, E403						01/03/2021	06/06/2021				2020
13	1040003				40	Trương Tổ Loan			7-11, E403					01/03/2021	06/06/2021				2020
14	1040003				40	Trương Tổ Loan	1-5, E101							01/03/2021	06/06/2021				2020
15	1040003				40	Phạm Thị Lý						1-5, E101 NCAO		01/03/2021	06/06/2021	Nang cao			2020
16	1040003				41	Trương Tổ Loan				7-11, E403				01/03/2021	06/06/2021				2020
17	1040003				40	Trương Tổ Loan					1-5, E405			01/03/2021	06/06/2021				2020
18	1040003				40	Phạm Thị Lý			1-5, E403					01/03/2021	06/06/2021				2020
19	1040003				40	Phạm Thị Lý					1-5, E403			01/03/2021	06/06/2021				2020
	1040014	Tiếng Anh chuyên ngành (AN)	CFL2005	2	1												3* \Am nhac		
04	1040014				1	Phạm Thị Lý							1-5, LR			Lop riêng			2017
	1040015	Tiếng Anh chuyên ngành (DVK)	CFL2010	2	30												3* DVK		
01	1040015				30	Hoàng Thị Thu Hằng					7-11, E306			04/01/2021	28/02/2021	K5 DVK 6T			2019
	1040004	Tiếng Anh chuyên ngành (MT)	CFL2003	2	40												MT3		
01	1040004				40	Trương Tổ Loan				1-5, E305				04/01/2021	28/02/2021	K6HH K14SPM T			2019
	1040009	Tiếng Anh chuyên ngành (TKTT)	CFL2006	2	30												3* TKTT		
02	1040009				30						7-11, E305			04/01/2021	28/02/2021	K2 CNM Huy ko co sv			2018
	1080108	Tiếng nói trong kịch - điện ảnh 2	CLM2071	3	30														
01	1080108				30	Đinh Xuân Tùng			1-5, NA401					01/03/2021		K6 DVK			2020
	1040017	Tiếng Việt thực hành	CFL2008	2	1												1* CFL2008_2015		
01	1040017				1	Hà Thị Thu Hà							1-5, LR			Lop riêng			2017
	1020035	Tin học chuyên ngành	FAD2056	2	39														
01	1020035				13	Nguyễn Hoàng Tùng	7-11, E402							04/01/2021	28/03/2021				2019
02	1020035				13	Nguyễn Hoàng Tùng			1-5, E402					04/01/2021	28/03/2021				2019
03	1020035				13	Trần Thanh Nga					1-5, E401			04/01/2021	28/03/2021				2019
	1080002	Tin học chuyên ngành	CLM2005	2	45												6_QLVH_M1		
01	1080002				45	Lương Minh Tân					1-5, E402			04/01/2021	25/04/2021	K12 QLVH			2018
	1070033	Tin học chuyên ngành	MUS2001	2	190												MUS2001		
07	1070033				35	Nguyễn Khải		7-11, E402						04/01/2021	14/03/2021	K14 SPAN 8T			2019
08	1070033				35	Lương Minh Tân				1-5, E402				04/01/2021	14/03/2021	K14 SPAN 8T			2019
09	1070033				35	Bá Sán				7-11, E402				04/01/2021	14/03/2021	K14 SPAN 8T			2019
10	1070033				35	Nguyễn Khải					7-11, E402			04/01/2021	14/03/2021	K14 SPAN 8T			2019
11	1070033				50	Nguyễn Khải						1-5, E402		01/03/2021					2020
	1170058	Tin học chuyên ngành 1	GRD2050	3	141												2017		
01	1170058				14	Nguyễn Duy Hùng	1-4, E406		1-4, E406					04/01/2021	07/03/2021	K11 TKDH			2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
02	1170058				14	Tổng Việt Anh	1-4, E406		1-4, E406					04/01/2021	07/03/2021	K11 TKDH			2019
03	1170058				14	Nguyễn Xuân Giáp	1-4, E406		1-4, E406					04/01/2021	07/03/2021	K11 TKDH			2019
04	1170058				14	Lê Huy Thục	7-10, E406		7-10, E406					04/01/2021	07/03/2021	K11 TKDH			2019
05	1170058				14	Tổng Việt Anh	7-10, E406		7-10, E406					04/01/2021	07/03/2021	K11 TKDH			2019
06	1170058				14	Nguyễn Xuân Giáp	7-10, E406		7-10, E406					04/01/2021	07/03/2021	K11 TKDH			2019
07	1170058				14	Lê Huy Thục				1-4, E406		1-4, E406		04/01/2021	07/03/2021	K11 TKDH			2019
08	1170058				14	Nguyễn Xuân Giáp				1-4, E406		1-4, E406		04/01/2021	07/03/2021	K11 TKDH			2019
09	1170058				14	Nguyễn Đỗ Long				1-4, E406		1-4, E406		04/01/2021	07/03/2021	K11 TKDH			2019
10	1170058				15	Tổng Việt Anh	13-17, E406		13-17, E406					04/01/2021	07/03/2021	K11 TKDH			2019
	1200027	Tin học chuyên ngành 2	DGI2027	2	12														
01	1200027				12	Đỗ Thu Huyền		1-5, E402						04/01/2021	14/03/2021				2019
	1170059	Tin học chuyên ngành 3	GRD2051	3	104												2017		
01	1170059				13	Nguyễn Duy Hùng		1-4, E406						04/01/2021	02/05/2021	K10 TKDH			2018
02	1170059				13	Tổng Việt Anh		1-4, E406						04/01/2021	02/05/2021	K10 TKDH			2018
03	1170059				13	Nguyễn Xuân Giáp		1-4, E406						04/01/2021	02/05/2021	K10 TKDH			2018
04	1170059				13	Lê Huy Thục		7-10, E406						04/01/2021	02/05/2021	K10 TKDH			2018
05	1170059				13	Nguyễn Duy Hùng		7-10, E406						04/01/2021	02/05/2021	K10 TKDH			2018
07	1170059				13	Nguyễn Duy Hùng					1-4, E406			04/01/2021	02/05/2021	K10 TKDH			2018
08	1170059				13	Tổng Việt Anh					1-4, E406			04/01/2021	02/05/2021	K10 TKDH			2018
09	1170059				13	Nguyễn Đỗ Long					1-4, E406			04/01/2021	02/05/2021	K10 TKDH			2018
	1170027	Tin học chuyên ngành 3	GRD2022	3	9												6_TKDH_M4		
01	1170027				3	Nguyễn Duy Hùng		1-4, E406						04/01/2021	02/05/2021	Hoc ghep			2016
02	1170027				3	Lê Huy Thục		7-10, E406						04/01/2021	02/05/2021	Hoc ghep			2016
03	1170027				3	Tổng Việt Anh					1-4, E406			04/01/2021	02/05/2021	Hoc ghep			2016
	1060008	Tin học chuyên ngành Corel Draw và Photoshop	FAE2073	2	2												4_SPMT_M1		
01	1060008				2	Trần Anh Hoàng							1-5, LR			Lop riêng			2017
	1040002	Tin học cơ bản	INF2001	2	60												1*_1_m.chung_M1		
16	1040002				30	Lê Mạnh Hùng			7-11, E401					01/03/2021	25/04/2021				2020
18	1040002				30	Lê Mạnh Hùng				7-11, E401				04/01/2021	14/03/2021				2018
	1200035	Tổ chức và quản lý sản xuất may công nghiệp	DGI2035	2	10														
01	1200035				10	Trần Việt Hùng	7-11, E							07/06/2021	25/07/2021				2018
	1060103	Trải nghiệm hoạt động Mỹ thuật	FAE2097	2	60												2019		
01	1060103				30	Đào Thị Thuý Anh							1-5, TTCN			K11 LT			2019
02	1060103				30	Trần Thị Vân							1-5, TTCN			K11 LT			2019
	1020027	Trang trí chuyên ngành 1	FAD2022	2	39														
01	1020027				13	Ngô Văn Sơn				7-11, B	7-11, B			15/03/2021	09/05/2021				2019
02	1020027				13	Lê Mai Trinh	7-11, B	7-11, B						15/03/2021	09/05/2021				2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
03	1020027				13	Trương Tuấn Anh				7-11, B	7-11, B			15/03/2021	09/05/2021				2019
	1020018	Trang trí chuyên ngành 2	FAD2023	2	2														
06	1020018				2	Ngô Thị Thu Hà							7-11, LR			Lop riêng			2017
	1020039	Trang trí cơ bản 2	FAD2055	2	52														
01	1020039				13	Ngô Thị Thu Hà	1-5, BC	1-5, BC						01/03/2021	18/04/2021				2020
02	1020039				13	Lê Mai Trinh	1-5, BC	1-5, BC						01/03/2021	18/04/2021				2020
03	1020039				13	Trương Tuấn Anh				1-5, BC	1-5, BC			01/03/2021	18/04/2021				2020
04	1020039				13	Ngô Thị Thu Hà				1-5, BC	1-5, BC			01/03/2021	18/04/2021				2020
	1060039	Trang trí cơ bản 2	FAE2052	2	45												2_SPMT_M4		
01	1060039				15	Nguyễn Thị Huyền				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		01/03/2021	25/04/2021	K15 SPMT			2020
02	1060039				15	Lưu Thị Hồng Diễm				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		01/03/2021	25/04/2021	K15 SPMT			2020
03	1060039				15	Chu Thị Hương Thu				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		01/03/2021	25/04/2021	K15 SPMT			2020
	1060041	Trang trí ứng dụng 2	FAE2005	2	1												3* FAE2005		
01	1060041				1	Vũ Thị Kim Vân							1-5, Hoc ghep			LT K11 ghep K12			2020
	1130003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POL2003	2	380												3* 3_mon_chung_M1		
01	1130003				45	Bạch Thị Lan Anh	1-5, E301							04/01/2021	14/03/2021	2019 8T			2019
02	1130003				45	Phạm Ngọc Anh			7-11, E301					04/01/2021	14/03/2021	2019 8T			2019
03	1130003				45	Phạm Ngọc Anh					7-11, E301			04/01/2021	14/03/2021	2019 8T			2019
04	1130003				45	Mai Thanh Hồng		1-5, E301						04/01/2021	14/03/2021	2019 8T			2019
05	1130003				45	Mai Thanh Hồng		7-11, E301						04/01/2021	14/03/2021	2019 8T			2019
06	1130003				45	Mai Thanh Hồng				1-5, E301				04/01/2021	14/03/2021	2019 8T			2019
07	1130003				45	Mai Thanh Hồng						1-5, E505		04/01/2021	14/03/2021	2019 8T UT K14 SPMT K6HH			2019
08	1130003				45	Mai Thanh Hồng						7-11, E502		04/01/2021	14/03/2021	2019 8T			2019
09	1130003				20	Phạm Ngọc Anh							1-5, E301	08/03/2021		K1 LT TC			2019
	1080244	Văn hóa - nghệ thuật trong công tác xã hội	CLM2223	4	30												CTXH		
01	1080244				30	Nguyễn Thị Phương Thanh		1-5, E503						01/03/2021	20/06/2021	K1 CTXH 12T			2020
	1080200	Văn hóa ẩm thực	CLM2124	2	70												DL		
01	1080200				70	Nguyễn Thị Thùy Linh					1-5, E502			01/03/2021	04/07/2021	K1 Du lịch 14T			2020
	1080019	Văn hóa dân gian Việt Nam	CLM2016	2	70												4_QLVH_M3_TC		
01	1080019				70	Tráng Thị Thuý			7-11, E503					04/01/2021	25/04/2021	K13 QLVH			2019
	1170017	Vật liệu và công nghệ in	GRD2012	2	136												8_TKDH_M3_TC		
01	1170017				46	Nguyễn Thành Sơn		1-5, E601						04/01/2021	14/02/2021	K9 TKDH			2017
02	1170017				45	Nguyễn Hồng Sơn		7-11, E601						04/01/2021	14/02/2021	K9 TKDH			2017
03	1170017				45	Nguyễn Hồng Sơn			7-11, E603					04/01/2021	14/02/2021	K9 TKDH			2017
	1020019	Vẽ kỹ thuật	FAD2001	2	39														
01	1020019				13	Lưu Ngọc Lan	7-11, E							01/03/2021	02/05/2021				2019
02	1020019				13	Nguyễn Bích Nhung				7-11, E				01/03/2021	02/05/2021				2019
03	1020019				13	Vũ Mai Hiên	7-11, E							01/03/2021	02/05/2021				2019
	1170063	Vẽ kỹ thuật - đặc biệt kiến trúc	GRD2002**	2	92														

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
01	1170063				13	Nguyễn Hồng Sơn		1-4, E601						22/02/2021	04/04/2021	K11 TKDH			2019
02	1170063				13	Nguyễn Hải Kiên		1-4, E601						22/02/2021	04/04/2021	K11 TKDH			2019
03	1170063				13	Nguyễn Thành Sơn		1-4, E601						22/02/2021	04/04/2021	K11 TKDH			2019
04	1170063				13	Nguyễn Xuân Giáp		7-10, E601						22/02/2021	04/04/2021	K11 TKDH			2019
05	1170063				14	Nguyễn Thành Sơn		7-10, E601						22/02/2021	04/04/2021	K11 TKDH			2019
06	1170063				13	Nguyễn Quang Huy		7-10, E601						22/02/2021	04/04/2021	K11 TKDH			2019
07	1170063				13	Nguyễn Xuân Tám					1-4, E602			22/02/2021	04/04/2021	K11 TKDH			2019
	1080118	Võ thuật điện ảnh	CLM2087	2	30														
01	1080118				30	Phạm Ngọc Dũng			7-11, NA501					04/01/2021		K5 DVK			2019

Người lập